

b. Câu ghép có các vế được nối với nhau bằng cặp quan hệ từ chỉ điều kiện – giả thiết:

Bài 3. Đọc đoạn thơ trong bài “Hà Nội” của Trần Đăng Khoa và thực hiện yêu cầu:

“Hà Nội có Hồ Gươm	Mấy năm giặc bắn phá
Nước xanh như pha mực	Ba Đình vẫn xanh cây
Bên hồ ngọn Tháp Bút	Trắng vàng chùa Một Cột
Viết thơ lên trời cao.	Phủ Tây Hồ hoa bay...”

a. Tìm các danh từ riêng trong đoạn thơ. _____

b. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn thơ trên? Gạch dưới từ ngữ thể hiện biện pháp đó.

c. Trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của Hà Nội được gợi lên từ đoạn thơ trên.

Bài 4. Em đã từng có lúc mệt, ốm đau được mẹ dỗ dành, chăm sóc. Hãy viết đoạn văn khoảng 7 câu miêu tả mẹ em lúc đó.

TUẦN 19: NGƯỜI CÔNG DÂN

TẬP ĐỌC “Người công dân số Một” (Theo Hà Văn Cầu – Vũ Đình Phòng)

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Câu ghép và cách nối các vế câu ghép

I. Kiến thức

1. Khái niệm

Câu ghép là câu do nhiều vế câu ghép lại.

Ví dụ: Mùa xuân, cây cối đâm chồi nảy lộc, trăm hoa đua nhau khoe sắc.

2. Vế câu

Vế câu trong câu ghép thường có cấu tạo giống câu đơn (có đủ chủ ngữ, vị ngữ) và thể hiện một ý có quan hệ chặt chẽ với ý của những vế câu khác.

Ví dụ: Trời // xanh thẳm, biển // cũng thẳm xanh.

CN1	VN1	CN2	VN2
Vế 1		Vế 2	

3. Cách nối các vế câu ghép

Có hai cách nối các vế trong câu ghép:

- Nối trực tiếp bằng dấu câu: dấu phẩy, dấu chấm phẩy, dấu hai chấm...
- Nối gián tiếp bằng từ ngữ có tác dụng liên kết:
 - + Nối bằng một quan hệ từ;
 - + Nối bằng cặp quan hệ từ;
 - + Nối bằng cặp từ hô ứng.

II. Bài tập

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước các câu ghép:

- Vườn cây ngập tràn trong mùi hương hoa buổi nồng nàn.
- Vườn cây đã ra hoa nhưng bướm ong chưa về đậu.
- Mưa rào rào trên sân gạch, mưa đồm độp trên phen nứa.
- Trên các trảng rộng và chung quanh những lùm bụi thấp mọc theo các lạch nước, ta có thể nghe thấy tiếng vù vù bất tận của hàng nghìn loại côn trùng có cánh.

Bài 2. Tìm câu ghép trong đoạn văn rồi xác định các vế câu của câu ghép:

“(1) Bầy cá heo đã cứu A-ri-ôn. (2) Chúng đưa ông trở về đất liền nhanh hơn cả tàu của bọn cướp. (3) A-ri-ôn tâu với nhà vua toàn bộ sự việc nhưng nhà vua không tin, sai giam ông lại.”

Bài 3. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong mỗi câu sau:

- a. Thấy ân cần dạy chúng tôi vẽ và thấy cũng thường nói say sưa với chúng tôi về hội họa, về cái thế giới rực rỡ, kì lạ của những bức tranh.
- a. Mặc dù đôi má ngăm ngăm đã có nhiều nếp nhăn, khuôn mặt bà tôi hình như vẫn tươi trẻ.
- b. Chiếc xe tới gần, mắc vào sợi dây chằng ngang đường, gỗ văng ra.
- c. Rừng khộp hiện ra trước mắt chúng tôi, lá úa vàng như cảnh mùa thu.

Bài 4. Các vế trong mỗi câu ghép dưới đây được nối với nhau bằng cách nào?

- a. Bà kể những câu chuyện cổ và tôi chăm chú dõi theo.

Cách nối: _____

- b. Màu đỏ của hoa hồng nhung có quanh năm, ai mà chẳng thích.

Cách nối: _____

- c. Nếu gió mùa đông bắc tràn về thì tôi phải chuẩn bị thêm áo ấm.

Cách nối: _____

Bài 5. Điền từ có tác dụng nối thích hợp vào chỗ trống:

- a. Gió thổi ào ào _____ cây cối nghiêng ngả _____ bụi cuốn mù mịt.
- b. Quê nội Minh Vũ ở Hà Nội _____ quê ngoại bạn ấy ở Thái Bình.
- c. Thỏ thua Rùa _____ nó chủ quan và kiêu ngạo.
- d. Vườn hoa đã toả hương thơm và sữa soạn sẵn thứ mật ngọt dịu _____ các bạn ong bướm vẫn chưa đến.

Bài 6. Gạch dưới các câu ghép trong đoạn văn sau:

“(1) Học trò đã về hết, hoa phượng ở lại một mình. (2) Phượng đứng canh gác nhà trường, sân trường. (3) Hè đang đến, mọi nơi đều buồn bã. (4) Trường ngủ, cây

ĐỀ LUYỆN 09

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

“(1) Gần như đêm nào tôi cũng nghe thấy tiếng rao ấy: “Bánh... giò... ò... ò... !” (2) Tiếng rao đều đều, khàn khàn kéo dài trong đêm khuya tĩnh mịch, nghe buồn não ruột. (3) Rồi một đêm, vừa thiếp đi, tôi bỗng giật mình vì những tiếng la: “Cháy! Cháy nhà!”... (4) Ngôi nhà đầu hẻm đang bốc lửa phừng phừng. (5) Tiếng kêu cứu thảm thiết vọng lại. (6) Trong ánh lửa, tôi thấy một bóng người cao, gầy, khập khiễng chạy tới ngôi nhà cháy, xô cánh cửa đổ rầm. (7) Mấy người trong nhà vọt ra, khung cửa ập xuống, khói bụi mịt mù... (8) Người ta lần tìm tung tích nạn nhân. (9) Anh công an lấy từ túi áo nạn nhân một mớ giấy tờ. (10) Ai nấy bàng hoàng khi thấy trong xấp giấy một tấm thẻ thương binh. (11) Bấy giờ người ta mới để ý tới chiếc xe đạp nằm lẩn lóc ở góc tường và những chiếc bánh giò tung tóe... (12) Thì ra người bán bánh giò là một thương binh. (13) Chính anh đã phát hiện ra đám cháy, đã báo động và cứu một gia đình. (14) Vừa lúc đó, chiếc xe cấp cứu ào tới chở nạn nhân đi...”

(Theo “Tiếng rao đêm” – Nguyễn Lê Tín Nhân)

- 1. Từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại?
a. “khập khiễng” b. “tung tích” c. “mịt mù” d. “bàng hoàng”
- 2. Có bao nhiêu động từ trong câu “Trong ánh lửa, tôi thấy một bóng người cao, gầy, khập khiễng chạy tới ngôi nhà cháy, xô cánh cửa đổ rầm.”?
a. 3 động từ b. 4 động từ c. 5 động từ d. 6 động từ
- 3. Từ đồng nghĩa với từ “tĩnh mịch” là:
a. “động tĩnh” b. “tĩnh tại” c. “tĩnh mạch” d. “tĩnh lặng”
- 4. Tác dụng của dấu ba chấm trong câu (1) là:
a. biểu thị sự kéo dài âm thanh
b. tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết
c. gợi sự lắng đọng của cảm xúc không thể nói thành lời
d. thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng
- 5. Chủ ngữ trong câu (2) là:
a. Tiếng rao c. Tiếng rao đều đều, khàn khàn
b. Tiếng rao đều đều d. Tiếng rao đều đều, khàn khàn kéo dài
- 6. Câu nào trong đoạn trích trên là câu ghép?
a. câu (3) b. câu (6) c. câu (7) d. câu (14)

Bài 2. Đặt câu theo yêu cầu:

- a. Câu ghép có các vế câu được nối với nhau bằng một quan hệ từ:

Bài 3. Cảm nhận của em về vẻ đẹp của bài ca dao sau:

“Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.”

[illegible]

Bài 4. Viết đoạn văn khoảng 10 câu miêu tả người bạn thân của em.

1. The first part of the document is a title page. It contains the title of the document, the author's name, and the date of the document. The title is "The first part of the document is a title page. It contains the title of the document, the author's name, and the date of the document." The author's name is "The author's name is the name of the person who wrote the document." The date of the document is "The date of the document is the date when the document was written." The title page is the first page of the document and it contains the title, author's name, and date of the document.

2. The second part of the document is the introduction. It contains the main points of the document and a brief overview of the content. The introduction is the first part of the document and it contains the main points of the document and a brief overview of the content. The introduction is the first part of the document and it contains the main points of the document and a brief overview of the content.

3. The third part of the document is the main body. It contains the main content of the document and is divided into several sections. The main body is the largest part of the document and it contains the main content of the document and is divided into several sections. The main body is the largest part of the document and it contains the main content of the document and is divided into several sections.

4. The fourth part of the document is the conclusion. It contains the final thoughts of the author and a summary of the main points. The conclusion is the last part of the document and it contains the final thoughts of the author and a summary of the main points. The conclusion is the last part of the document and it contains the final thoughts of the author and a summary of the main points.

5. The fifth part of the document is the bibliography. It contains a list of references and sources used in the document. The bibliography is the last part of the document and it contains a list of references and sources used in the document. The bibliography is the last part of the document and it contains a list of references and sources used in the document.

cối cũng ngủ. (5) Chỉ có hoa phượng thức để làm vui cho sân trường. (6) Hoa phượng mưa. (7) Hoa phượng khóc. (8) Trường tẻ ngắt, không tiếng trống, không tiếng người. (9) Hoa phượng mơ, hoa phượng nhớ. (10) Ba tháng trời đằng đẵng. (11) Hoa phượng đẹp với ai khi học sinh đã đi cả rồi!"

(Theo Xuân Diệu)

Bài 7. Thêm vế câu thích hợp vào chỗ trống để tạo câu ghép:

- a. Nếu điều ước trở thành hiện thực _____
- b. Bãi đất ven sông thường xuyên được phù sa bồi đắp nên _____
- c. _____ mà An còn là một chân sút siêu giỏi của đội bóng.
- d. _____, hoa phượng nở đỏ rực mọi nẻo đường.
- e. Môi trường sẽ trở nên trong lành hơn _____

CẢM THỤ VĂN HỌC

Trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn Bác qua đoạn thơ sau:

“Ôi lòng Bác vậy cứ thương ta
Thương cuộc đời chung, thương cỏ hoa
Chỉ biết quên mình cho hết thảy
Như dòng sông chảy nặng phù sa.”

(Trích “Theo chân Bác” – Tố Hữu)

[illegible]

TẬP LÀM VĂN Luyện tập tả người**I. Kiến thức:****1. Cách viết mở bài****a. Yêu cầu**

- Giới thiệu đối tượng miêu tả (theo yêu cầu của đề bài).
- Mở bài cần ngắn gọn, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc.

b. Các kiểu mở bài

- Mở bài trực tiếp: Giới thiệu ngay đối tượng miêu tả.

Ví dụ: “Trong gia đình, người mà em yêu quý nhất là bà nội. Bà là người gần gũi với em, chăm lo cho em từ thuở em mới lọt lòng. Bà ru em bằng những lời ru êm dịu.”

- Mở bài gián tiếp: Dẫn dắt lời của người viết, sau đó giới thiệu đối tượng miêu tả.

Ví dụ: “Gia đình – bến đỗ yêu thương của mỗi con người, là nơi cho ta những kỉ niệm đẹp để đầu đời của tuổi ấu thơ. Đi qua tuổi thơ, trong tâm trí mỗi chúng ta luôn lưu giữ bóng hình của một người quan trọng. Với tôi, người quan trọng ấy đã nuôi lớn tâm hồn tôi bằng những câu hát ru, những câu chuyện, những bài học làm người. Đó chính là người bà kính yêu.”

2. Kết bài**a. Yêu cầu**

- Kết bài cần ngắn gọn, thể hiện được tình cảm, suy nghĩ của người viết với đối tượng miêu tả.
- Rút ra bài học (nếu có) cho bản thân.

b. Các kiểu kết bài

- Kết bài không mở rộng: Bày tỏ tình cảm hoặc đưa ra nhận xét về đối tượng miêu tả.

Ví dụ: “Em mong bà khỏe mạnh và sống thật lâu để em yêu thương, phụng dưỡng bà, báo đáp phần nào công ơn dưỡng dục của bà dành cho em.”

- Kết bài mở rộng: Bày tỏ tình cảm, thái độ với đối tượng miêu tả; nêu cảm nghĩ, liên hệ với thực tế hoặc mở rộng vấn đề.

Ví dụ: “Giờ đây bà em đã không còn nữa nhưng hình ảnh người bà thân thương luôn sống mãi trong em. Em đã tự hứa với bản thân sẽ luôn ngoan ngoãn, lễ phép, học thật giỏi, đạt nhiều điểm tốt... để xứng đáng với tình thương và niềm tin yêu mà bà đã dành cho em.”

ĐỀ LUYỆN 08

Bài 1. Gạch dưới từ không cùng nhóm với các từ còn lại:

- | | |
|--|------------------------------------|
| a. yêu thương, ngọc ngà, buốt lạnh, mùa đông | b. vì, nhưng, mà, tôi |
| c. giúp đỡ, hoài nghi, yếu ớt, chia sẻ | d. tấm tã, dữ dội, lẻ loi, sức lực |

Bài 2. Đọc đoạn trích sau rồi thực hiện các yêu cầu:

“Một cảnh nho mảnh mai lớn lên nhờ những dòng nước khoáng tinh khiết từ lòng đất. Nó thật trẻ trung, khỏe mạnh và đầy sức sống. Nó cảm thấy rất tự tin, tất cả chỉ dựa vào chính bản thân nó.

Nhưng một ngày kia, bão lũ tràn về, cảnh nho bé nhỏ đã bị dập ngã. Nó rũ xuống, yếu ớt và đau đớn. Bỗng nó nghe thấy tiếng gọi của một cảnh nho khác: “Hãy lại đây và nắm lấy tay tôi.” Cảnh nho do dự trước đề nghị ấy. Từ trước tới giờ, cảnh nho bé nhỏ đã quen tự mình giải quyết khó khăn một mình. Nhưng lần này nó đã đuối sức... Nó ngược nhìn cảnh nho kia với vẻ e dè và hoài nghi. “Bạn đừng sợ, bạn chỉ cần quần những sợi tua của bạn vào tôi là tôi có thể giúp bạn đứng thẳng dậy trong mưa bão” – Cảnh nho kia nói. Và cảnh nho bé nhỏ đã làm theo.

Gió vẫn dữ dội, mưa tầm tã và tuyết buốt lạnh ập về. Nhưng cảnh nho bé nhỏ không còn đơn độc, lẻ loi nữa mà nó đã cùng chịu đựng với những cảnh nho khác...

Có những khó khăn chúng ta có thể vượt qua được bằng chính sức lực của mình. Nhưng có những thử thách lớn mà chúng ta chỉ có thể vượt qua nhờ tình yêu thương, đồng lòng gắn bó và chia sẻ với nhau như cảnh nho nhỏ bé kia.”

(Sưu tầm)

a. Gạch dưới các từ láy có trong đoạn trích trên:

b. Nêu tác dụng của dấu phẩy trong câu “Nhưng cảnh nho bé nhỏ không còn đơn độc, lẻ loi nữa mà nó đã cùng chịu đựng với những cảnh nho khác”.

c. Xác định cấu tạo ngữ pháp của các câu sau:

– Một cảnh nho mảnh mai lớn lên nhờ những dòng nước khoáng tinh khiết từ lòng đất.

– Nhưng một ngày kia, bão lũ tràn về, cảnh nho bé nhỏ đã bị dập ngã.

– Gió vẫn dữ dội, mưa tầm tã và tuyết buốt lạnh ập về.

2. Điều gì sẽ xảy ra khi một con ngỗng bay lạc khỏi hình chữ V của đàn?

- a. Nó sẽ cảm thấy sức trì kéo và những khó khăn của việc bay một mình.
- b. Nó sẽ cảm thấy sợ hãi vì không xác định được phương hướng.
- c. Nó sẽ không đến được phương Nam.

3. Khi con ngỗng đầu đàn mệt mỏi, nó sẽ làm gì?

- a. Nó sẽ tìm một nơi an toàn để nghỉ lấy lại sức.
- b. Nó sẽ chuyển sang vị trí bên cạnh và một con ngỗng khác sẽ đảm nhiệm vị trí dẫn đầu.
- c. Nó sẽ lùi lại phía sau và bay nhập vào một đàn ngỗng khác.

4. Tiếng kêu của những con ngỗng ở phía sau đã giúp được gì cho ngỗng đầu đàn?

- a. Tiếng kêu sẽ động viên những con đi đầu giữ được tốc độ của chúng.
- b. Tiếng kêu là lời thúc giục để những con ngỗng đầu đàn bay nhanh hơn.
- c. Tiếng kêu giúp những con ngỗng đầu đàn không cảm thấy mệt mỏi.

5. Chúng ta học được điều gì từ tinh thần đồng đội của đàn ngỗng?

- a. Chúng ta quan tâm, thương yêu, giúp đỡ bạn bè của mình.
- b. Chúng ta biết sát cánh bên nhau khi có khó khăn.
- c. Chúng ta sẽ chăm sóc và bảo vệ bạn bè của mình.

6. Các vế trong câu ghép “Nếu chúng ta có tinh thần của loài ngỗng thì chúng ta sẽ sát cánh bên nhau khi có khó khăn.” biểu thị mối quan hệ gì?

- a. nguyên nhân – kết quả b. điều kiện/ giả thiết – kết quả c. tương phản

7. Từ nào có thể thay thế từ “đảm nhiệm” trong câu “Khi con ngỗng đầu đàn mệt mỏi, nó sẽ chuyển sang vị trí bên cạnh và một con ngỗng khác sẽ đảm nhiệm vị trí dẫn đầu.”?

- a. “đảm đương” b. “bảo đảm” c. “đảm đang”

8. Các câu văn sau được liên kết với nhau bằng cách nào?

“Mỗi khi con ngỗng bay lạc khỏi hình chữ V của đàn, nó sẽ cảm thấy sức trì kéo và những khó khăn của việc bay một mình. Nó nhanh chóng trở lại đàn để bay theo hình chữ V như cũ và được hưởng những ưu thế của sức mạnh bầy đàn.”

- a. lặp từ ngữ b. thay thế từ ngữ c. cả a và b đều đúng

9. Xác định trạng ngữ (nếu có), chủ ngữ và vị ngữ của câu dưới đây:

“Khi con ngỗng đầu đàn mệt mỏi, một con ngỗng khác sẽ đảm nhiệm vị trí dẫn đầu.”

10. Đặt một câu ghép có sử dụng cặp từ hô ứng để nối các vế câu.

II. Bài tập

Bài 1. Cho biết các mở bài sau thuộc kiểu mở bài nào?

- a. ““Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.”

Mỗi lần đọc những câu thơ của Trần Quốc Minh, lòng em lại nhớ đến mẹ – người đã nuôi em khôn lớn trưởng thành.”

- b. “Trong gia đình, mẹ là người gần gũi, chăm sóc em nhiều nhất. Hạnh phúc biết bao khi em được sống trong tình mẫu tử, trong sự yêu thương, chở che của mẹ.”

Bài 2. Cho biết cách kết bài ở hai đoạn dưới đây có gì khác nhau?

- a. “Em rất yêu quý mẹ em. Em sẽ cố gắng học giỏi để xứng đáng với công ơn sinh thành và nuôi dưỡng của mẹ.”
- b. “Tấm lòng của mẹ là biển cả bao la đối với con, và con hiểu rằng không có ai thương con hơn mẹ. Con yêu mẹ hơn tất cả mọi thứ trên đời – vì mẹ chính là mẹ của con. “Đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ...””

Bài 3. Viết mở bài gián tiếp cho đề văn: “Tả một ca sĩ đang biểu diễn.”.

Bài 4. Viết kết bài mở rộng cho đề văn: “Tả một diễn viên mà em yêu thích.”

PHIẾU CUỐI TUẦN 19

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Hạnh phúc ở đâu?

“Trên một thảo nguyên bao la có hai con sư tử cùng sống chung với nhau. Chúng là hai mẹ con. Một hôm sư tử con hỏi mẹ: “Mẹ ơi, con thường nghe thấy nhiều con vật khác nói về hạnh phúc. Vậy hạnh phúc là gì hả mẹ? Có thể dùng làm thức ăn được không? Thực ra hạnh phúc là gì và ở đâu nhỉ?”.

Sư tử mẹ âu yếm nói với con: “Hạnh phúc không phải là một món đồ vật, không thể cầm nắm được cũng không thể ăn được. Nó nằm ngay sau đuôi của con đó!”.

Sư tử con nghe mẹ nói hạnh phúc nằm ngay sau đuôi của mình thì ngay lập tức quay đầu chạy đuổi bắt cái đuôi. Sư tử con chạy mãi, chạy mãi đến mệt lả, mà vẫn không bắt được đuôi của mình. Sư tử mẹ thấy vậy, bật cười nói: “Này thằng bé ngốc nghếch của mẹ ơi! Hạnh phúc không phải cứ đuổi bắt là được. Con phải ngẩng cao đầu tin vào chính mình và tiến về phía trước, khi đó hạnh phúc sẽ chạy đến với con”.

(Sưu tầm)

1. Sư tử con hỏi mẹ điều gì?

- Trên thảo nguyên còn con vật nào khác ngoài hai mẹ con mình không?
- Hạnh phúc là gì và có ở đâu?
- Tại sao lại cần phải có hạnh phúc?
- Hai mẹ con mình có hạnh phúc không?

2. Lời giải thích của sư tử mẹ về hạnh phúc có nghĩa là gì?

- Phải thật khôn ngoan thì mới có được hạnh phúc.
- Không cần phải vất vả theo đuổi hạnh phúc vì nó luôn đi theo mình.
- Cứ tự tin và cố gắng thì hạnh phúc tự nhiên sẽ đến với mình.
- Hạnh phúc ở rất xa nên phải cố gắng theo đuổi mới có được.

3. Từ được in đậm trong câu “**Nó** nằm ngay sau đuôi của con đó!” thuộc từ loại nào?

- quan hệ từ
- đại từ
- danh từ
- tính từ

4. Sư tử mẹ đã dạy cho con hiểu về điều gì ý nghĩa trong cuộc sống?

ĐỀ LUYỆN 07

Đọc bài sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Bài học từ loài ngỗng

“Vào mùa thu, khi bạn thấy đàn ngỗng bay về phương Nam để tránh đông theo hình chữ V, bạn có tự hỏi những lí lẽ khoa học nào có thể rút ra từ đó? Mỗi khi một con ngỗng vỗ đôi cánh của mình, nó tạo ra một lực đẩy cho con ngỗng bay sau nó. Bằng cách bay theo hình chữ V, đàn ngỗng tiết kiệm được 71% sức lực so với khi chúng bay từng con một. Khi là thành viên của một nhóm, ta cùng chia sẻ những mục tiêu chung, ta sẽ đi đến những nơi ta muốn nhanh hơn và dễ dàng hơn, vì ta đang đi dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau.

Mỗi khi con ngỗng bay lạc khỏi hình chữ V của đàn, nó sẽ cảm thấy sức trì kéo và những khó khăn của việc bay một mình. Nó nhanh chóng trở lại đàn để bay theo hình chữ V như cũ và được hưởng những ưu thế của sức mạnh bầy đàn. Nếu chúng ta cũng cảm nhận được sự tinh tế của loài ngỗng, chúng ta sẽ chia sẻ thông tin với những người cũng đang cùng một mục tiêu như chúng ta.

Khi con ngỗng đầu đàn mệt mỏi, nó sẽ chuyển sang vị trí bên cạnh và một con ngỗng khác sẽ đảm nhiệm vị trí dẫn đầu. Chia sẻ vị trí lãnh đạo sẽ đem lại lợi ích cho tất cả và những công việc khó khăn nên được thay phiên nhau đảm nhận.

Tiếng kêu của đàn ngỗng từ phía sau sẽ động viên những con đi đầu giữ được tốc độ của chúng. Những lời động viên sẽ tạo nên sức mạnh cho những người đang ở đầu sóng ngọn gió, giúp họ giữ vững tốc độ, thay vì để họ mỗi ngày phải chịu đựng áp lực công việc và sự mệt mỏi triền miên. Nếu chúng ta có tinh thần của loài ngỗng thì chúng ta sẽ sát cánh bên nhau khi có khó khăn. Lần sau, nếu có cơ hội nhìn thấy đàn ngỗng đang bay, bạn hãy nhớ bạn đang được hưởng đặc ân khi là thành viên của một nhóm.”

(Sưu tầm)

1. Vì sao khi bay về phương Nam tránh đông, đàn ngỗng thường bay theo hình chữ V?

- Vì khi bay riêng lẻ, đàn ngỗng sẽ gặp nguy hiểm.
- Vì khi bay riêng lẻ, đàn ngỗng sẽ để lạc mất những con yếu.
- Vì đàn ngỗng sẽ tiết kiệm được 71% sức lực so với khi chúng bay từng con một.

3. Từ những vết đinh trên hàng rào, người cha đã chỉ ra điều gì cho con trai?
- a. Khi đóng đinh lên hàng rào, con sẽ làm hỏng chúng và rất khó để sửa.
 - b. Khi con không kiểm chế được cơn giận dữ thì con sẽ làm tổn thương chính mình.
 - c. Khi con nói những lời xúc phạm người khác trong cơn giận dữ, con cần phải xin lỗi họ rất nhiều lần.
 - d. Cần phải biết kiểm chế cơn giận để không làm tổn thương người khác.
4. Nêu rút ra điều gì ý nghĩa sau khi đọc câu chuyện trên?

Bài 2. Xác định chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ (nếu có) trong các câu sau và cho biết đó là câu đơn hay câu ghép:

- a. Ánh nắng lên tới bờ cát, lướt qua những thân tre nghiêng nghiêng. (Câu _____)
- b. Mùa thu, trời như một chiếc dù xanh bay mãi lên cao. (Câu _____)
- c. Rồi bông nọ gọi bông kia, bông nọ ganh bông kia, chỉ vài hôm sau, cây gạo đã như một cây đuốc lớn cháy rừng rực giữa trời. (Câu _____)

Bài 3. Viết đoạn văn khoảng 7 đến 9 câu tả một người lao động trí óc mà em biết.

Bài 2. Đọc đoạn văn sau của tác giả Ai-ma-tốp:

“(1) Mùa đông đã du mục sang bên kia đèo. (2) Mùa xuân đang lừa những đàn gia súc màu xanh của nó đến. (3) Trên những cánh đồng, băng tuyết đã tan, mặt đất ướt như sương phủ lên từng chỗ. (4) Từ miền ấy, những luồng hơi ẩm bốc lên lừa vào núi, mang theo hơi thở mùa xuân của đất đai, hương vị của sữa đang lên hơi. (5) Các cồn tuyết cũng xẹp xuống, những tảng băng trên núi đã chuyển mình, và các dòng suối đóng băng cũng nứt nẻ, vỡ toác ra, rồi tràn lên, cuộn cuộn chảy thành những thác nước dũng mãnh kéo ẩm ẩm trong các thung lũng.”

- a. Các câu ghép trong đoạn văn trên là: _____
- b. Chỉ ra cách nối các vế câu ghép trong đoạn văn.

- c. Xác định chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ (nếu có) trong các câu (3), (4).

Bài 3. Viết mở bài gián tiếp, kết bài mở rộng cho bài văn tả ông hoặc bà của em.

Mở bài gián tiếp:

Kết bài mở rộng:

TUẦN 20: NGƯỜI CÔNG DÂN

TẬP ĐỌC

“Thái sư Trần Thủ Độ” (Theo “Đại Việt sử kí toàn thư”)

“Nhà tài trợ đặc biệt của Cách mạng” (Theo Phạm Khải)

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ “Công dân”

Nối các vế câu ghép bằng quan hệ từ

Mở rộng vốn từ: “Công dân”

Bài 1. Nối từ ở cột A với nghĩa tương ứng ở cột B:

A	B
công nhân	người làm việc trong các cơ quan nhà nước
công chức	người dân của một nước, có quyền lợi và nghĩa vụ với đất nước
công dân	người lao động chân tay, làm việc ăn lương

Bài 2. Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống:

(dân gian, dân cư, dân tộc, dân trí)

- a. Nhà nước ta thực hiện chính sách đoàn kết các _____ để xây dựng đất nước.
- b. Hà Nội là khu vực tập trung đông _____.
- c. Trình độ _____ của người dân ngày càng được cải thiện và nâng cao.
- d. Chèo là một loại hình nghệ thuật sân khấu _____ của Việt Nam.

Bài 3. Nêu cách hiểu của em về nghĩa của từ “công” trong các câu sau:

a. “Của một đồng, công một nén.”

b. “Có công mài sắt có ngày nên kim.”

PHIẾU CUỐI TUẦN 28

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Những vết đinh

“Một cậu bé nọ có tính xấu là rất hay nổi nóng. Một hôm, cha cậu đưa cho cậu một túi đinh rồi nói:

– Mỗi lần nổi nóng với ai, con hãy đóng một cái đinh lên hàng rào gỗ.

Ngày đầu tiên, cậu bé đã đóng 37 cái đinh lên hàng rào. Nhưng sau vài tuần, cậu dần kiểm chế được cơn giận, số đinh cậu đóng lên hàng rào ngày một ít đi. Cậu nhận thấy kiểm chế cơn giận còn dễ hơn phải đóng một cái đinh lên hàng rào.

Đến một ngày, cậu không nổi giận với ai một lần nào trong suốt cả ngày. Cậu thưa với cha. Người cha bảo:

– Sau một ngày mà con không hề nổi giận với ai, con hãy nhổ một cái đinh ra khỏi hàng rào.

Ngày lại ngày trôi qua, rồi cũng đến một hôm cậu bé hãnh diện khoe với cha rằng không còn một cái đinh nào trên hàng rào. Người cha liền dẫn cậu đến bên hàng rào, bảo:

– Con đã làm rất tốt, nhưng con hãy nhìn vết lỗ đinh còn để lại trên hàng rào xem.

Hàng rào đã không giống như xưa nữa rồi. Nếu con nói điều gì trong cơn giận dữ, những lời nói ấy cũng giống như các vết đinh này, chúng để lại vết thương khó lành trong lòng người khác. Dù cho sau đó con có nói lời xin lỗi bao nhiêu lần đi nữa, vết thương đó vẫn còn lại mãi. Con hãy luôn nhớ: vết thương tinh thần còn đau đớn hơn cả những vết thương thể xác.”

(Theo Mai Văn Khôi)

1. Người cha dạy con trai kiểm chế tính nóng nảy bằng cách nào?

- a. mỗi lần nổi giận với ai, đóng một cái đinh lên hàng rào
- b. mỗi lần nổi giận với ai, nhổ một cái đinh trên hàng rào
- c. mỗi ngày đóng một cái đinh lên hàng rào
- d. mỗi ngày nhổ một cái đinh trên hàng rào

2. Khi cậu bé đã kiểm chế được tính nóng nảy, người cha bảo cậu làm gì?

- a. sau một ngày không nổi giận với ai, đóng một cái đinh lên hàng rào
- b. sau một ngày không nổi giận với ai, nhổ một cái đinh trên hàng rào
- c. mỗi ngày nhổ một cái đinh khỏi hàng rào
- d. mỗi ngày đóng một cái đinh lên hàng rào

a. Tìm trong đoạn thơ:

Động từ: _____

Tính từ: _____

Đại từ: _____

Quan hệ từ: _____

b. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ. Gạch dưới từ ngữ thể hiện biện pháp nghệ thuật đó.

c. Nêu cảm nhận về nội dung của khổ thơ thứ nhất.

Bài 4. Viết đoạn văn khoảng 7 câu tả một cô giáo hoặc thầy giáo đã từng dạy dỗ em và để lại cho em nhiều ấn tượng, tình cảm tốt đẹp.

Nối các vế câu ghép bằng quan hệ từ

I. Kiến thức

- Các vế trong câu ghép có thể được nối với nhau bằng một quan hệ từ hoặc một cặp quan hệ từ.
- Những quan hệ từ thường được dùng là: và, rồi, thì, nhưng, hay, hoặc...
- Những cặp quan hệ từ thường được dùng là:
 - + vì ... nên ...; do ... nên ...; nhờ ... mà ...
 - + nếu ... thì ...; giả ... thì ...; hễ ... thì ...
 - + tuy ... nhưng ...; mặc dù ... nhưng ...
 - + chẳng những ... mà ...; không chỉ ... mà ...

II. Bài tập

Bài 1. Xác định câu ghép trong đoạn văn sau và cho biết cách nối các vế trong những câu ghép đó:

“(1) Mùa thu, những khu vườn đầy lá vàng xao động, trái bưởi bóng tròn căng đang chờ đêm hội rằm phá cỗ. (2) Tiếng đám sê non tít tít nhảy nhót nhặt những hạt thóc còn vương lại trên mảnh sân vuông. (3) Đêm xuống, mảnh trăng nhẹ tênh, mỏng manh trôi bồng bềnh trên nền trời chi chít ánh sao.”

(Theo Huỳnh Thị Thu Hương)

– Câu ghép: _____

– Cách nối các vế câu ghép: _____

Bài 2. Tìm cặp quan hệ từ thích hợp điền vào chỗ trống:

- a. _____ trời mưa _____ lớp tôi hoãn đi cắm trại vào Chủ nhật tới.
- b. _____ tôi đạt danh hiệu Học sinh xuất sắc _____ bố mẹ sẽ thưởng cho tôi được đi du lịch ở Sầm Sơn.
- c. _____ gia đình khó khăn _____ bạn Nam vẫn phấn đấu học giỏi.
- d. Những chiếc xe này _____ bền _____ chúng còn rất đẹp nữa.

Bài 3. Đọc đoạn trích sau:

“(1) Đến tháng Năm thì những cây phượng đón lấy lửa ấy, chạy tiếp cuộc chạy tiếp sức của các loài hoa trong thành phố, báo hiệu những ngày nghỉ hè thoải mái của chúng tôi sắp đến.

(2) Nắng trời vừa bắt đầu gay gắt thì sắc hoa như muốn giảm đi độ chói chang của mình. (3) Hoa phượng màu hồng pha da cam chứ không đỏ gắt như vông, như gạo. (4) Đến cái anh bằng lăng thì đã vừa hồng vừa tím.”

(“Qua những mùa hoa” – Vân Long)

- a. Câu ghép trong đoạn trích trên là: _____
- b. Cụm từ được gạch dưới trong câu (1) là thành phần gì của câu?

Bài 4. Hoàn thành các câu ghép sau bằng cách thêm từ ngữ thích hợp:

- a. Giá _____ thì môi trường chúng ta đang sống không bị ô nhiễm.
- b. Chẳng những _____ mà các bạn còn được học nhiều điều thú vị.
- c. Do _____ nên động vật quý hiếm gần như bị tuyệt chủng.

Bài 5. Đặt câu ghép với mỗi cặp quan hệ từ: “nhờ ... nên ...”, “chẳng những ... mà ...”.

CẢM THỤ VĂN HỌC

Trung thu năm 1946, Bác Hồ đã gửi tới các em thiếu nhi Việt Nam lời nhắn nhủ:

“Bác mong các cháu chăm ngoan
Mai sau gìn giữ giang sơn Lạc Hồng
Sao cho nổi tiếng Tiên Rồng
Sao cho tỏ mặt nhi đồng Việt Nam.”

Qua lời thơ, Bác Hồ mong muốn điều gì từ các em thiếu nhi? Để xứng đáng là cháu ngoan của Bác, em cần học tập và rèn luyện như thế nào?

TẬP LÀM VĂN

Lập chương trình hoạt động

LUYỆN TẬP

Bài 1. Xét theo cấu tạo, các câu sau thuộc kiểu câu gì?

Câu	Kiểu câu
a. “Nguyễn Trung Trực sinh ra trong một gia đình làm nghề chài lưới trên sông Vàm Cỏ.”	
b. “Lúa gạo quý vì ta phải đổ bao mồ hôi mới làm ra được.”	
c. “Chiếc xe ngựa vừa đậu lại, tôi đã nghe tiếng ông tử trong nhà vọng ra.”	

Bài 2. Đọc đoạn văn sau:

“(1) Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. (2) Đó là một truyền thống quý báu của ta. (3) Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.”

(Hồ Chí Minh)

- a. Xác định trạng ngữ (nếu có), chủ ngữ, vị ngữ của các câu trong đoạn văn trên.
- b. Trong đoạn văn trên, câu _____ là câu đơn, câu _____ là câu ghép.
- c. Chỉ ra cách liên kết câu và từ ngữ thể hiện từng cách liên kết trong đoạn văn trên.

Bài 3. Đọc đoạn thơ sau:

“Trời xanh đây là của chúng ta	
Núi rừng đây là của chúng ta	Nước chúng ta,
Những cánh đồng thơm mát	Nước những người chưa bao giờ khuất
Những ngả đường bát ngát	Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.	Những buổi ngày xưa vọng nói về.”

(Trích “Đất nước” – Nguyễn Đình Thi)

TUẦN 28: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

TỔNG HỢP KIẾN THỨC

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng

a. Các chủ điểm tuần và mở rộng vốn từ

- Chủ điểm: Người công dân và mở rộng vốn từ “Công dân”
- Chủ điểm: Vì cuộc sống thanh bình và mở rộng vốn từ “Trật tự – An ninh”
- Chủ điểm: Nhớ nguồn và mở rộng vốn từ “Truyền thống”

b. Câu đơn và câu ghép; cách nối các vế câu ghép

- Phân loại câu đơn và câu ghép
- Cách nối các vế câu ghép

c. Liên kết câu

- Liên kết câu trong bài bằng cách lặp từ ngữ (Phép lặp)
- Liên kết câu trong bài bằng cách thay thế từ ngữ (Phép thế)
- Liên kết câu trong bài bằng từ ngữ nối (Phép nối)

d. Văn miêu tả

- Tả người
- Tả đồ vật
- Tả cây cối

PHIẾU CUỐI TUẦN 20

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Cho và nhận

“Một cô giáo đã giúp tôi hiểu rõ ý nghĩa phức tạp của việc cho và nhận. Khi nhìn thấy tôi cầm sách trong giờ tập đọc, cô đã nhận thấy có gì không bình thường, cô liền thu xếp cho tôi đi khám mắt. Cô không đưa tôi đến bệnh viện, mà dẫn tôi tới bác sĩ nhãn khoa riêng của cô. Ít hôm sau, như với một người bạn, cô đưa cho tôi một cặp kính.

– Em không thể nhận được! Em không có tiền trả đâu thưa cô! – Tôi nói, cảm thấy ngượng ngùng vì nhà mình nghèo.

Thấy vậy, cô liền kể một câu chuyện cho tôi nghe. Chuyện rằng: “Hồi cô còn nhỏ, một người hàng xóm đã mua kính cho cô. Bà ấy bảo, một ngày kia cô sẽ trả cho bà cặp kính đó bằng cách tặng kính cho một cô bé khác. Em thấy chưa, cặp kính này đã được trả tiền từ trước khi em ra đời”. Thế rồi cô nói với tôi những lời nồng hậu nhất, mà chưa ai khác từng nói với tôi: “Một ngày nào đó, em sẽ mua kính cho một cô bé khác”.

Cô nhìn tôi như một người cho. Cô làm cho tôi thành người có trách nhiệm. Cô tin tôi có thể có một cái gì để trao cho người khác. Cô chấp nhận tôi như thành viên của cùng một thế giới mà cô đang sống. Tôi bước ra khỏi phòng, tay giữ chặt kính trong tay, không phải như kẻ vừa nhận được một món quà, mà như người chuyển tiếp món quà đó cho người khác với tấm lòng tận tụy.”

(Xuân Lương)

1. Vì sao cô giáo lại dẫn bạn học sinh đi khám mắt?

- a. Vì cô thấy bạn học sinh đó bị đau mắt.
- b. Vì cô thấy bạn học sinh đó cầm sách đọc một cách không bình thường.
- c. Vì cô thấy bạn học sinh đó không đọc được chữ khi ngồi ở cuối lớp.
- d. Vì bạn học sinh đó nhờ cô dẫn đi.

2. Việc cô giáo đưa bạn học sinh đi khám mắt chứng tỏ cô là người như thế nào?

- a. Cô rất quan tâm, yêu thương học sinh.
- b. Cô rất giàu có, hào phóng.
- c. Cô rất giỏi về y học.
- d. Cô rất cẩn thận và tinh ý.

3. Việc cô giáo thuyết phục bạn học sinh nhận kính của mình cho thấy cô là người thế nào?

- a. Cô là người giao tiếp giỏi, biết cách thuyết phục người khác.
- b. Cô là người hiểu rõ ý nghĩa của việc cho và nhận, biết sẻ chia và có trách nhiệm.
- c. Cô là người rất cứng rắn và cương quyết.
- d. Cô là người kiên nhẫn và bao dung.

4. Qua câu chuyện trên, em cảm nhận được điều gì ý nghĩa?

Bài 2. Xác định các vế câu và cho biết cách nối các vế trong mỗi câu ghép sau:

- a. Người em chăm chỉ siêng năng còn người anh thì tham lam độc ác.

Cách nối các vế câu ghép: _____

- b. Chiếc lá thoáng trông tránh, chú nhái bén loay hoay cố giữ thăng bằng.

Cách nối các vế câu ghép: _____

- c. Những vườn lê trĩu quả, những vườn su hào, bắp cải non mơn mớn.

Cách nối các vế câu ghép: _____

- d. Hoa thiên lí không những thơm mà hoa còn dùng làm thức ăn rất bổ dưỡng.

Cách nối các vế câu ghép: _____

Bài 3. Viết đoạn văn khoảng 7 câu tả một nghệ sĩ đang biểu diễn trên sân khấu.

3. Việc chung tiếng nói đã làm cho những con người Việt Nam trở nên như thế nào?

- a. vô tâm với nhau bởi đã quá quen thuộc, nhàm chán
- b. xa lạ, lạnh lùng với nhau vì không hiểu nhau
- c. đố kị, kì thị nhau vì phải chia sẻ tiếng nói cho nhau
- d. thân thiết, gần bó chan hoà với nhau bởi có sự kết nối vô hình là tiếng Việt

4. Gạch dưới các hình ảnh so sánh có trong đoạn thơ trên.

Bài 2. Đoạn văn dưới đây sử dụng những cách liên kết câu nào?

“Trong quán nước bên đường, có một cái ấm pha trà đã cũ. Vòi ấm bị nứt một miếng nhỏ. Chủ quán mấy lần định thay, song vì chưa có tiền nên cứ để dùng tạm. Hơn nữa, trông thế nhưng ấm còn tốt chán. Bản thân chiếc ấm như cũng hiểu được hoàn cảnh của ông chủ. Vì vậy, nó tự nhủ: mình đã bị khuyết tật, thì phải cố làm việc cho tốt. Thế là ấm luôn chú ý giữ cho mình sạch sẽ. Nó hâm trà bằng nước sôi thật khéo.”

(Theo Trần Đức Tiến)

Bài 3. Viết đoạn văn khoảng 7 đến 9 câu tả một cây hoa mà em thích.

PHIẾU CUỐI TUẦN 27

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Tiếng Việt

“Trái đất rộng giàu sang bao thứ tiếng
Cao quý thâm trầm rực rỡ vui tươi
Tiếng Việt rung rinh nhịp đập trái tim người
Như tiếng sáo như dây đàn máu nhỏ.

Buồm lộng sóng xô, mai về trúc nhớ
Phá củi lồng vờ vợi cánh chim bay
Tiếng ghen ngào như đời mẹ đắng cay
Tiếng trong trẻo như hồn dân tộc Việt.

Mỗi sớm dậy nghe bốn bề thân thiết
Người qua đường chung tiếng Việt cùng tôi
Như vị muối chung lòng biển mặn
Như dòng sông thương mến chảy muôn đời.”

(Lưu Quang Vũ)

1. Theo tác giả, các thứ tiếng trên thế giới có đặc điểm gì?
- a. có nhiều nét đẹp tương đồng với nhau
 - b. đa dạng, nhiều sắc thái khác nhau nhưng đều đẹp
 - c. rất khó hiểu vì có quá nhiều sắc thái
 - d. nghèo nàn, hạn chế trong việc diễn tả đời sống
2. Khổ thơ thứ hai cho thấy tiếng Việt có điểm gì đặc biệt?
- a. Tiếng Việt thể hiện được nhiều sự vật, hiện tượng trong cuộc sống
 - b. Tiếng Việt diễn tả được những nỗi ghen ngào, đắng cay của con người.
 - c. Tiếng Việt chính là biểu hiện của cuộc sống và tâm hồn con người Việt Nam.
 - d. Tiếng Việt mang vẻ đẹp tự nhiên, trong trẻo.

TUẦN 21: NGƯỜI CÔNG DÂN

TẬP ĐỌC

“Trí dũng song toàn”
(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh và Trung Lưu)
“Tiếng rao đêm” (Theo Nguyễn Lê Tín Nhân)

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ “Công dân”

Nối các vế câu ghép bằng quan hệ từ chỉ nguyên nhân – kết quả

Mở rộng vốn từ “Công dân”

Bài 1. Nối các từ ở cột A với nghĩa tương ứng ở cột B:

A	B
công cộng	không giữ kín mà để mọi người đều có thể biết
công khai	thuộc quyền sở hữu của toàn thể xã hội hoặc của tập thể
công hữu	thuộc về mọi người hoặc phục vụ chung cho mọi người trong xã hội

Bài 2. Xếp những từ chứa tiếng “công” dưới đây vào cột thích hợp trong bảng:

phân công, công tác, công đồn, chủ công, phản công, tấn công, chiến công, thành công

“Công” có nghĩa là “sự nghiệp”	“Công” có nghĩa là “đánh”, “phá”	“Công” có nghĩa là “công việc”

Nối các vế câu ghép bằng quan hệ từ chỉ nguyên nhân – kết quả

I. Kiến thức

Để thể hiện quan hệ nguyên nhân – kết quả giữa các vế câu ghép, có thể nối chúng bằng:

- Một quan hệ từ: vì, bởi vì, nên, cho nên...
- Một cặp quan hệ từ: vì ... nên ...; bởi vì ... nên ...; tại vì ... cho nên ...; do ... nên ...; do ... mà ...; nhờ ... mà ...

II. Bài tập

Bài 1. Nối từ ở cột A với nghĩa thích hợp ở cột B:

A	B
vì	thường biểu thị điều sắp nêu ra là nguyên nhân dẫn đến kết quả tốt đẹp được nói đến
tại	thường biểu thị điều sắp xảy ra là nguyên nhân của sự việc được nói đến
nhờ	thường biểu thị điều sắp nêu ra là nguyên nhân của sự việc không tốt đẹp được nói đến

Bài 2. Gạch dưới mỗi vế câu, khoanh vào quan hệ từ hoặc cặp quan hệ từ nối các vế câu đó và cho biết chúng biểu thị quan hệ gì:

a. Do người dân đắp đê ngăn lũ nên đồng ruộng được bảo vệ.

b. Nhờ mẹ hướng dẫn nên con đã biết làm nhiều việc nhà.

c. Vì những chiếc xe ấy đã cũ kĩ nên chúng chạy rất chậm.

d. Tổ không biết việc này vì cậu không nói với tổ.

Bài 3. Gạch dưới các quan hệ từ và cho biết mối quan hệ giữa các vế trong câu:

“Nếu chim mà có biết làm lịch hăng năm như ta thì chắc là loài này phải ghi cái tháng chạp bằng chữ đồ, và nếu một chú họa mi nào lại kiêm cả họa sĩ ắt nó phải vẽ thêm vào tờ lịch một chùm quả cọ chín mọng, căng bóng như những quả nho tây được xoa mỡ.”

- + Tả cảnh vật xung quanh: môi trường sống của cây (khí hậu, chim chóc, ong bướm...) có tác động và ảnh hưởng đến cây như thế nào?
- Lợi ích của cây:
 - + Cây cho bóng mát, cây cho hoa thơm, quả ngọt...
 - + Cây giúp cho bầu không khí trong lành hơn.

Kết bài: Nêu cảm nghĩ về cây được tả:

- Em đã chăm sóc, bảo vệ cây như thế nào?
 - Những dự định của em về việc trồng cây.
- c. Viết thành bài văn
- Mỗi ý viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh.
 - Chú ý sử dụng các từ láy, từ giàu giá trị gợi tả; vận dụng các biện pháp nghệ thuật như nhân hóa, so sánh để bài văn sinh động hơn.

Có thể mở rộng ý bằng cách liên tưởng hoặc đan xen cảm xúc của bản thân đối với loài cây mình miêu tả.

II. Bài tập

Viết đoạn văn từ 7 đến 9 câu tả một cây cổ thụ mà em có dịp quan sát.

TẬP LÀM VĂN Ôn tập về tả cây cối

I. Kiến thức

1. Cấu tạo bài văn miêu tả cây cối

Bài văn miêu tả cây cối thường có ba phần:

- a. Mở bài: Tả hoặc giới thiệu bao quát về cây.
- b. Thân bài: Tả từng bộ phận của cây hoặc tả từng thời kì phát triển của cây.
- c. Kết bài: Có thể nêu lợi ích của cây, ấn tượng đặc biệt hoặc tình cảm với cây được tả.

2. Các bước làm bài văn miêu tả cây cối

- a. Quan sát
 - Khi quan sát cây cối, cần sử dụng kết hợp nhiều giác quan để cảm nhận về hình dáng, màu sắc, hương vị... các bộ phận của cây cũng như ấn tượng bao quát về cây.
 - Sau khi quan sát, cần sắp xếp kết quả quan sát theo một trình tự hợp lí. Có thể theo trình tự không gian: đi từ bao quát (hình dáng) đến cụ thể (từng bộ phận: rễ, thân, lá, hoa, quả...) hoặc từ cụ thể đến bao quát. Có thể theo trình tự thời gian: đặc điểm của cây theo từng mùa hoặc từng thời điểm trong ngày.

b. Lập dàn ý

Mở bài: Giới thiệu về loại cây được tả

- Cây được trồng ở đâu?
- Thuộc loại cây gì? (cây ăn quả, cây bóng mát, cây cảnh...)
- Vì sao em chọn cây đó để tả?

Thân bài: Miêu tả cây

- Tả bao quát:
 - + Hình dáng của cây khi nhìn từ xa.
 - + Ấn tượng đặc biệt về cây.
- Tả chi tiết:
 - + Tả từng bộ phận của cây: rễ, gốc, thân, cành, lá, hoa, quả...
 - + Tả cây theo từng thời điểm khác nhau: mùa hoa, mùa quả, mùa lá rụng...

CẢM THỤ VĂN HỌC

Trong bài thơ “Bác ơi!”, nhà thơ Tố Hữu có viết:

“Bác sống như trời đất của ta
Yêu từng ngọn lúa, mỗi cành hoa
Tự do cho mỗi đời nô lệ
Sữa để em thơ, lụa tặng già.”

Đoạn thơ trên đã giúp em hiểu được những nét đẹp gì trong lẽ sống của Bác Hồ – người công dân vĩ đại nhất?

TẬP LÀM VĂN Lập chương trình hoạt động

Lập chương trình cho hoạt động của lớp em: Quyên góp ủng hộ thiếu nhi và nhân dân vùng lũ lụt miền Trung.

PHIẾU CUỐI TUẦN 21

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Số phận hay bản lĩnh

“Trong một trận đánh quan trọng chống lại đội quân hùng mạnh với số lượng đông gấp bội, vị tướng quân cảm nhận được sự lo lắng và sợ hãi ẩn chứa trên khuôn mặt và ánh mắt của những người lính. Đêm hôm đó, họ dừng chân cắm trại tại một ngôi đền trong vùng. Sau bữa ăn, ông đề nghị những thuộc hạ và binh lính của mình cùng cầu nguyện trước đền. Sau đó, ông lấy ra một đồng xu và nói: “Ta đã xin thần linh báo ứng trước kết quả của trận đánh quan trọng này. Bây giờ ta sẽ tung đồng tiền này lên, nếu là mặt sấp chúng ta sẽ chiến thắng. Còn nếu là ngửa chúng ta sẽ thua.”

Vị tướng quân tung đồng tiền lên cao. Mọi người đều căng thẳng chăm chú chờ đồng tiền rơi xuống. Mặt sấp! Tất cả binh lính đều vô cùng phấn khởi và vững tin đến mức họ bước vào trận chiến đấu bằng tất cả sự dũng mãnh và niềm tin có được. Và họ đã chiến thắng oanh liệt.

Trong buổi liên hoan mừng thắng trận, các binh lính reo hò và nói với vị tướng:

– Chúng ta đã làm nên một kì tích! Đúng là không ai có thể làm thay đổi số phận được.

– Đúng vậy! Không ai có thể! Trừ chúng ta!

Viên tướng sau đó lặng lẽ lấy ra đồng xu cho mọi người xem. Hoá ra là đồng xu có cả hai mặt đều sấp.”

(Theo “Những câu chuyện về bài học cuộc sống”)

1. Trước trận chiến đấu, vị tướng quân cảm nhận được tâm trạng của binh lính như thế nào?
- a. lo lắng và sợ hãi

b. hăm hở, khí thế

c. mệt mỏi, ủ rũ

d. tự tin, chủ quan
2. Vị tướng quân đã làm gì để khích lệ tinh thần của binh lính?
- a. ban thưởng cho các binh lính

b. bảo binh lính vào đền cầu khẩn, tung đồng xu có hai mặt sấp để họ tin là thần linh báo ứng kết quả chiến thắng

c. tăng cường thêm vũ khí cho các binh lính

d. nhắc nhở, răn đe các binh lính

CẢM THỤ VĂN HỌC

Bài 1. Cảm nhận về truyền thống yêu nước của nhân dân ta qua đoạn thơ sau:

“Ôi Tổ quốc, ta yêu như máu thịt,
Như mẹ cha ta, như vợ như chồng
Ôi Tổ quốc, nếu cần ta sẽ chết
Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông...”

(Trích “Sao chiến thắng” – Chế Lan Viên)

Bài 2. Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

“Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.”

(“Mẹ” – Trần Quốc Minh)

Bài 2. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống để tạo sự liên kết giữa các câu:

(nhưng, cuối cùng, rồi, bởi)

- a. Vườn cây ra hoa. _____ vườn cây đầy tiếng chim hót.
- b. Mùa xuân đem theo sự ấm áp của trời, sự đầm ấm của đất. _____ mùa xuân đem theo ngọn gió đông về thay cho gió bắc buốt lạnh của mùa đông.
- c. Chúng tôi chơi đến toát mồ hôi mà vẫn chưa muốn ra về. _____ mẹ phải ra gọi to, cả nhóm mới lục tục kéo nhau về mà vẫn còn luyến tiếc.
- d. Bọn địch dùng mọi thủ đoạn dã man, thâm độc nhất để buộc bà con phải rời vào ấp chiến lược. _____ đồng bào ta vẫn một tấc không đi, một li không rời, vẫn bám làng kháng chiến.

Bài 3. Nêu tác dụng của các từ ngữ được gạch dưới trong những câu sau:

- a. Gà Rừng có tiếng gáy rất hay nên ai cũng thích nghe. Thế nhưng lão Hồ Văn lại không thích tiếng gáy đó một chút nào.

- b. Một hôm, chim Gõ Kiến đến chơi nhà chị Công rồi Gõ Kiến lại đến chơi nhà Sáo Sậu. Cuối cùng, Gõ Kiến lại đến chơi nhà anh Gà.

Bài 4. Chỉ ra các phép liên kết câu trong đoạn văn sau:

“(1) Biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. (2) Trời xanh thẳm, biển cũng thẳm xanh, như dâng cao lên, chắc nịch. (3) Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. (4) Trời âm u mây mưa, biển xám xịt, nặng nề. (5) Trời ầm ầm dông gió, biển đục ngầu, giận dữ... (6) Biển nhiều khi rất đẹp, ai cũng thấy như thế. (7) Nhưng vẻ đẹp của biển, vẻ đẹp kì diệu muôn màu muôn sắc ấy phần lớn là do mây, trời và ánh sáng tạo nên.”

(Theo Vũ Tú Nam)

3. Đội quân giành chiến thắng nhờ điều gì?

- a. niềm tin, bản lĩnh và sức mạnh của chính họ
- b. số phận
- c. sự chỉ huy tài giỏi của vị tướng quân
- d. sự may mắn

4. Qua đoạn trích trên, em thấy vị tướng quân là người như thế nào?

Bài 2. Thêm về câu thích hợp vào chỗ trống để tạo thành câu ghép chỉ nguyên nhân – kết quả:

- a. Vì trời hạn hán _____
- b. Nhờ sự giúp đỡ của mọi người _____
- c. Nhờ _____ nên lớp 5A đã được khen ngợi.
- d. Do thời tiết xấu _____

Bài 3. Viết đoạn văn khoảng 7 đến 9 câu tả một người thân đang làm việc.

TUẦN 22: VÌ CUỘC SỐNG THANH BÌNH

TẬP ĐỌC

“Lập làng giữ biển” (Trần Nhuận Minh)

“Cao Bằng” (Trúc Thông)

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Nối các vế câu ghép bằng quan hệ từ (chỉ quan hệ điều kiện/giả thiết – kết quả, quan hệ tương phản)

I. Kiến thức

1. Để thể hiện quan hệ điều kiện/giả thiết – kết quả giữa hai vế câu ghép, ta có thể nối chúng bằng:

- Một quan hệ từ: nếu, hễ, giá, thì...
- Một cặp quan hệ từ: nếu ... thì ...; nếu như ... thì ...; hễ ... thì ...; hễ mà ... thì ...; giá ... thì ...

2. Để thể hiện mối quan hệ tương phản giữa hai vế câu ghép, ta có thể nối chúng bằng:

- Một quan hệ từ: tuy, dù, mặc dù, nhưng...
- Một cặp quan hệ từ: tuy ... nhưng ...; mặc dù ... nhưng ...; dù ... nhưng ...

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới quan hệ từ, cặp quan hệ từ trong mỗi câu ghép dưới đây:

- a. Nếu Lan học giỏi thì bạn ấy sẽ được bố cho đi du lịch.
- b. Theo truyện cổ tích, hễ cóc nghiêng răng thì trời đổ mưa.
- c. Giá như tôi có em gái thì tôi sẽ vui mừng biết bao.
- d. Mình sẽ nói tiếp nếu như bạn muốn nghe.

Bài 2. Tìm quan hệ từ, cặp quan hệ từ thích hợp điền vào chỗ trống để tạo ra những câu ghép chỉ điều kiện/giả thiết – kết quả:

- a. _____ hôm đó tôi không vội vàng _____ bài kiểm tra sẽ đạt kết quả cao.
- b. _____ mẹ đi đâu vắng nhà _____ bố con tôi phải sang bà ngoại ăn cơm.
- c. _____ Mai nghe lời khuyên của cô giáo _____ bạn ấy sẽ làm tốt hơn nhiều.
- d. Chúng tôi sẽ được đi tham quan du lịch _____ lớp tôi giành giải Nhất trong trận đấu bóng chuyền nay.

Liên kết các câu trong bài bằng từ ngữ nối

I. Kiến thức

– Là liên kết bằng cách dùng quan hệ từ hoặc một số từ ngữ có tác dụng kết nối để tạo mối quan hệ liên mạch, chặt chẽ và thống nhất giữa các câu trong đoạn văn.

– Các từ ngữ có tác dụng nối kết:

- + Quan hệ từ
- + Tổ hợp từ ngữ

Chú ý: Các từ ngữ nối thường được đặt ở đầu câu.

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới những từ ngữ có tác dụng nối các câu văn trong đoạn trích sau:

“Không khí quả là quý giá đối với người da đỏ. Bởi bầu không khí này là của chung, của muông thú, cây cối và con người cùng nhau hít thở. Người da trắng cũng sẽ chia, hít thở bầu không khí đó. Nhưng hình như người da trắng chẳng để ý gì đến nó. Nếu chúng tôi bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải nhớ rằng, không khí đối với chúng tôi vô cùng quý giá và phải chia sẻ linh hồn với tất cả cuộc sống mà không khí ban cho...”

Như vậy, chúng tôi mới cân nhắc những ý muốn mua mảnh đất này của Ngài. Khi có quyết định chấp nhận yêu cầu của Ngài, chúng tôi phải đưa ra một điều kiện. Đó là người da trắng phải đối xử với các muông thú sống trên mảnh đất này như anh em.

Bởi, tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị giết dần giết mòn trên những cánh đồng do người da trắng bắn. Rồi, tôi là kẻ hoang dã nên tôi không hiểu vì sao một con trâu lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng. Thế con người là gì, nếu cuộc sống thiếu đi những con thú.

Cuối cùng, Ngài phải dạy con cháu rằng, mảnh đất dưới chân chúng là những nắm tro tàn của cha ông chúng tôi. Vì thế, chúng phải kính trọng đất đai...”

(Lược trích theo “Bức thư của thủ lĩnh da đỏ”)

TUẦN 27: NHỚ NGUỒN

TẬP ĐỌC

“Tranh làng Hồ” (Theo Nguyễn Tuân)

“Đất nước” (Nguyễn Đình Thi)

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ “Truyền thống”

Liên kết các câu trong bài bằng từ ngữ nối

Mở rộng vốn từ “Truyền thống”

Bài 1. Đặt câu với mỗi thành ngữ, tục ngữ sau:

a. “Máu chảy ruột mềm.”

b. “Đồng sức đồng lòng.”

Bài 2. Chọn thành ngữ, tục ngữ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

(“Cày sâu cuốc bẫm”, “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, “Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ”)

a. _____ nghĩa là một người bị tai họa, đau đớn thì cả tập thể cùng chia sẻ, đau xót.

b. _____ nghĩa là cần cù, chăm chỉ làm ăn.

c. _____ nghĩa là khi được hưởng thành quả, phải nhớ đến người đã có công gây dựng nên thành quả đó.

Bài 3. Chọn câu tục ngữ, ca dao trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu sau:

(“Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”; “Chờ than phận khó ai ơi/ Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây”; “Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”)

a. Mỗi khi có bác nào sang chơi than khổ, bà tôi lại động viên: _____

b. Mỗi khi Tổ quốc lâm nguy, mỗi người dân Việt đều là một chiến sĩ, bởi vì chúng ta luôn có tinh thần _____

c. Chúng ta phải có tinh thần đoàn kết, hợp tác mới hoàn thành được tốt công việc này đúng như cha ông ta đã dạy _____

Bài 3. Thêm từ ngữ thích hợp để tạo câu ghép chỉ điều kiện/ giả thiết – kết quả:

a. Hễ ai nói gì _____

b. Mọi người phải đi đường vòng _____

c. Nếu bạn ấy luôn đi học đúng giờ _____

Bài 4. Điền vào chỗ trống các quan hệ từ hoặc cặp quan hệ từ thích hợp để tạo ra câu ghép biểu thị quan hệ tương phản:

a. _____ bà tôi tuổi đã cao _____ bà vẫn nhanh nhẹn, hoạt bát như hồi còn trẻ.

b. _____ tiếng trống trường tôi đã quen nghe _____ hôm nay tôi thấy lạ.

c. _____ An gặp nhiều khó khăn _____ bạn vẫn học giỏi.

Bài 5. Chuyển mỗi cặp câu đơn dưới đây thành một câu ghép tương ứng:

a. Đường tới bảo tàng không quá xa. Chúng ta có thể đi bộ đến đó.

b. Người đứng đợi dưới bến đã đông. Thuyền vẫn chưa sang.

CẢM THỤ VĂN HỌC

Trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của người Cao Bằng qua đoạn thơ sau:

“Rồi đến chị rất thương

Rồi đến em rất thảo

Ông lành như hạt gạo

Bà hiền như suối trong.”

(Trích “Cao Bằng” – Trúc Thông)

TẬP LÀM VĂN Ôn tập văn kể chuyện

I. Kiến thức

1. Khái niệm

Văn kể chuyện là bài văn kể lại một câu chuyện nhằm giúp người đọc, người nghe hình dung được con người hoặc sự việc được kể; qua đó bày tỏ thái độ, tình cảm của người viết, nói lên được một điều có ý nghĩa từ câu chuyện đã kể.

Ví dụ: “Kể lại truyện cổ tích “Tấm Cám””; “Kể lại câu chuyện về tấm gương bảo vệ an ninh, trật tự mà em biết...”

2. Cấu tạo của bài văn kể chuyện: Gồm 3 phần

- a. **Mở bài:** Giới thiệu câu chuyện định kể (hoặc giới thiệu nhân vật chính của truyện).
- b. **Thân bài:** Kể lại nội dung câu chuyện (chuỗi sự việc làm nòng cốt cho truyện)
 - **Mở đầu:** Sự việc khơi nguồn cho các sự việc khác
 - **Diễn biến:** Các sự việc chính kể tiếp nối lên tính cách nhân vật, ý nghĩa của truyện
 - **Kết quả**
- c. **Kết bài:** Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em và bài học rút ra từ câu chuyện.

II. Bài tập

Viết đoạn văn khoảng 7 đến 9 câu kể về một buổi sum họp đầm ấm của gia đình em.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal blue ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins or other markings visible.

Bài 2. Chọn từ có tiếng “truyền” điền vào chỗ trống trong các câu sau:

- a. Dân tộc ta có _____ yêu nước nồng nàn.
b. Hiện nay xuất hiện rất nhiều bệnh _____ nguy hiểm.
c. Cô ấy nhập viện, bác sỹ yêu cầu phải _____ gấp.

Bài 3. Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống để tránh lặp từ và tạo ra sự liên kết câu trong đoạn trích sau:

“Mầm Lá là một cô gà mái thuộc giống gà công nghiệp, tức là một cô gà mái được nuôi để lấy trứng. Từ khi được đưa vào trại gà, sống ở đây hơn một năm, _____ chỉ có một việc duy nhất là đẻ trứng. _____ chẳng được đi lại, chẳng được vỗ cánh, không thể thoát khỏi rào sắt và cũng chẳng được ấp trứng. Tuy vậy, _____ vẫn thầm mang trong mình một ước mơ mà không ai hay biết. Ước mơ đó nhen nhóm từ sau lần _____ trông thấy một cô gà mái ấp nở ra chú gà con rất đáng yêu và dẫn chú bé đáng yêu ấy đi loanh quanh trong vườn.”

(Sưu tầm)

Bài 4. Viết đoạn văn khoảng 7 đến 9 câu tả một cây hoa đào mà em có dịp quan sát.

[illegible]

PHIẾU CUỐI TUẦN 26

Bài 1. Đọc đoạn truyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

“Chuyện kể, một danh tướng có lần đi ngang qua trường học cũ của mình, liền ghé vào thăm. Ông gặp lại người thầy từng dạy mình hồi nhỏ và kính cẩn thưa:

– Thưa thầy, thầy còn nhớ con không? Con là...

Người thầy giáo già hoảng hốt:

– Thưa ngài, ngài là...

– Thưa thầy, với thầy, con vẫn là đứa học trò cũ. Con có được những thành công hôm nay là nhờ sự giáo dục của thầy ngày nào...”

(Sưu tầm)

1. Vị danh tướng đã ghé thăm nơi nào?

- a. nhà cũ c. doanh trại cũ b. trường học cũ d. nhà người bạn cũ

2. Vị danh tướng gặp lại ai?

- a. người thầy từng dạy ông hồi nhỏ
b. người bạn thân của ông hồi nhỏ
c. người hàng xóm từng giúp đỡ ông hồi nhỏ
d. người họ hàng từng nuôi dưỡng ông hồi nhỏ

3. Câu nói của vị danh tướng: “Thưa thầy, với thầy, con vẫn là đứa học trò cũ. Con có được những thành công hôm nay là nhờ sự giáo dục của thầy ngày nào.” thể hiện những phẩm chất gì của vị danh tướng?

- a. thật thà, nhân hậu c. khiêm tốn, trọng ân nghĩa
b. dũng cảm, thẳng thắn d. nhân ái, bao dung

4. Câu chuyện trên gợi nhắc cho ta nhớ về truyền thống quý báu nào của dân tộc Việt Nam?

PHIẾU CUỐI TUẦN 22

Bài 1. Đọc đoạn thơ sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

“Cao Bằng, rõ thật cao!	Còn núi non Cao Bằng
Rồi dần bằng bằng xuống	Đo làm sao cho hết
Đầu tiên là mạn ngọt	Như lòng yêu đất nước
Đón môi ta dịu dàng.	Sâu sắc người Cao Bằng.

Rồi đến chị rất thương	Đã dâng đến tận cùng
Rồi đến em rất thảo	Hết tầm cao Tổ quốc
Ông lành như hạt gạo	Lại lặng thầm trong suốt
Bà hiền như suối trong.	Như suối khuất rì rào.”

(“Cao Bằng” – Trúc Thông)

1. Địa thế của Cao Bằng được miêu tả như thế nào qua đoạn thơ trên?

- a. lên cao dần b. lên cao rồi dần bằng xuống
c. bằng phẳng d. gập ghềnh rồi bằng phẳng dần

2. Lòng mến khách, sự đôn hậu của người dân Cao Bằng được thể hiện qua những chi tiết nào?

- a. Chị rất thương, em rất thảo, ông bà hiền lành.
b. Con người lặng thầm, hiền lành.
c. Hoa quả thơm ngon, con người sâu sắc.
d. Suối chảy rì rào, con người nhiệt tình.

3. Tình yêu đất nước của người Cao Bằng được thể hiện như thế nào?

- a. cao như núi và sôi nổi như sông suối
b. ngọt ngào, nồng nàn như hoa trái
c. cao như núi và trong trẻo, sâu sắc như suối khuất
d. giản dị như hạt gạo, nước suối

4. Gạch dưới những dòng thơ có sử dụng biện pháp so sánh.

Bài 2. Gạch dưới cặp quan hệ từ trong mỗi câu sau và cho biết chúng biểu thị quan hệ gì giữa các vế câu:

a. Nếu trẻ em không được học chữ thì cuộc sống của các em sẽ rất khó khăn.

b. Mặc dù trời mưa rất to nhưng đội cứu hộ vẫn cố gắng tìm kiếm.

c. Nếu cậu ấy đến đúng giờ thì cả đoàn sẽ khởi hành theo kế hoạch.

Bài 3. Đặt câu theo yêu cầu sau:

a. Câu ghép chỉ quan hệ điều kiện/ giả thiết – kết quả:

b. Câu ghép chỉ quan hệ tương phản:

Bài 4. Viết đoạn văn khoảng 7 đến 9 câu kể một câu chuyện về tình mẫu tử mà em thích nhất.

CẨM THỤ VĂN HỌC

Đọc đoạn thơ sau:

“Nòi tre đâu chịu mọc cong
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường.
Lưng trần phơi nắng phơi sương
Có manh áo cộc tre nhường cho con.”

(Trích “Tre Việt Nam” – Nguyễn Duy)

Chọn và nêu ý nghĩa của một hình ảnh mà em thích nhất trong đoạn thơ trên.

TẬP LÀM VĂN

Tập viết đoạn đối thoại

Viết tiếp một số lời đối thoại cho đoạn sau:

Bố: – Sao dạo này bố không thấy con cười?

Con: – Tạo sao con phải cười hả bố?

Bố: – Khi cười, khuôn mặt con sẽ rạng rỡ. Khuôn mặt đẹp nhất là nụ cười.

Con: – Nhưng khi con cười sẽ rất xấu xí.

Bố: – Tại sao vậy? Ai nói với con?

Con: – Không ai cả, nhưng con biết nó rất xấu, xấu lắm bố ơi! Làm sao đẹp được khi nó có cái răng khểnh?

Bài 4. Đọc đoạn văn sau:

“Làng quê tôi đã khuất hẳn nhưng tôi vẫn đắm đắm nhìn theo. Tôi đã đi nhiều nơi, đóng quân nhiều chỗ phong cảnh đẹp hơn đây nhiều, nhân dân coi tôi như người làng và cũng có những người yêu tôi tha thiết, nhưng sao sức quyến rũ, nhớ thương vẫn không mãnh liệt, day dứt bằng mảnh đất cọc cán này.”

(Trích “Tình quê hương” – Nguyễn Khải)

a. Chỉ ra phép liên kết trong đoạn văn trên.

b. Tình cảm của tác giả với mảnh đất quê hương trong đoạn văn có điều gì đặc biệt?

Bài 5. Viết đoạn văn khoảng 7 đến 9 câu tả một người bạn thân của em, trong đó có sử dụng phép thế để liên kết câu.

TUẦN 23: VÌ CUỘC SỐNG THANH BÌNH

TẬP ĐỌC “Phân xử tài tình” (Theo Nguyễn Đồng Chi)

“Chú đi tuần” (Trần Ngọc)

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ “Trật tự – An ninh”

Nối các vế câu ghép bằng quan hệ từ (chỉ quan hệ tăng tiến)

Mở rộng vốn từ “Trật tự – An ninh”

Bài 1. Tìm 2 từ đồng nghĩa và 2 từ trái nghĩa với từ “trật tự”.

Bài 2. Thành ngữ “An cư lạc nghiệp” nghĩa là “có nơi ở ổn định và yên tâm, vui vẻ làm ăn”. Đặt câu với thành ngữ đó.

Bài 3. Xếp các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp:

công an, tội phạm, cảnh sát, kẻ trộm, bộ đội biên phòng, kẻ cướp,
gián điệp, dân quân, dân phòng, kiểm sát viên

a. Người bảo vệ trật tự – an ninh xã hội

b. Người gây rối trật tự – an ninh xã hội

Nối các vế câu ghép bằng quan hệ từ (chỉ quan hệ tăng tiến)

I. Kiến thức

Để thể hiện quan hệ tăng tiến giữa các vế câu ghép, ta có thể dùng một trong các cặp quan hệ từ: không những ... mà còn ...; chẳng những ... mà ...; không chỉ ... mà ...

II. Bài tập

Bài 1. Gạch một gạch dưới mỗi vế câu, khoanh vào cặp quan hệ từ nối các vế trong mỗi câu ghép dưới đây:

- Niu Di-lân không chỉ nổi tiếng với thiên nhiên tươi đẹp mà đất nước này còn được ca tụng là xứ sở an toàn bậc nhất thế giới.
- Chẳng những Hồng chăm học mà bạn ấy còn rất chăm làm.
- Không chỉ bố mẹ ủng hộ mà cô giáo và các bạn cũng động viên, cổ vũ cho tôi.
- Gió biển không chỉ đem lại cảm giác mát mẻ cho con người mà nó còn là một liều thuốc quý giúp con người tăng cường sức khỏe.

Bài 2. Đặt một câu ghép nói về thiên nhiên và con người, trong đó có sử dụng cặp quan hệ từ chỉ sự tăng tiến.

Bài 3. Tìm cặp quan hệ từ thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu sau:

- Chiếc máy tính xách tay này _____ có nhiều tính năng vượt trội _____ nó còn được thiết kế rất đẹp và hiện đại.
- Hoa cúc _____ đẹp _____ nó còn là một vị thuốc đông y.
- _____ họa mi hót hay _____ nhiều loài chim khác cũng có tiếng hót mê li.
- Chim công _____ múa đẹp _____ nó làm tổ cũng rất khéo.

Bài 4. Thêm vế câu thích hợp để tạo thành các câu ghép:

- Con cún nhà tôi không những thông minh _____
- Tiếng cười không chỉ đem lại niềm vui cho mọi người _____
- Mưa xuân không chỉ đem đến cho vạn vật sức sống mới _____
- Không những hoa phượng đẹp _____
- Đứa bé chẳng những không nín khóc _____

Luyện tập thay thế từ ngữ để liên kết câu

Bài 1. Gạch dưới những từ trùng lặp có thể thay thế được bằng đại từ hoặc từ đồng nghĩa:

“Đan-tê là một nhà thơ lớn của nước Ý. Đan-tê còn nổi tiếng là người ham đọc sách. Đan-tê thường tìm đọc các loại sách vừa xuất bản. Không đủ tiền mua sách, Đan-tê đã làm quen với một người bán sách và thường mượn những cuốn mới đem về nhà xem.”

(Sưu tầm)

Bài 2. Đọc đoạn văn sau:

“(1) Trong một sáng đào công sự, lưới xẻng của anh chiến sĩ xúc lên một mảnh đồ gốm có nét hoa văn màu nâu và xanh, hình đuôi rồng. (2) Anh chiến sĩ quả quyết rằng những nét hoa văn này y như hoa văn trên hũ rượu của đình làng anh.”

- Từ “này” thay thế cho: _____
- Nếu thay “anh chiến sĩ” ở câu (2) bằng từ “y” hoặc “hắn” có được không? Tại sao?

Bài 3. Đọc đoạn văn sau:

“Gà Trống có bộ lông mượt cùng cái mào đỏ rất đẹp. Anh ta còn có đôi mắt không biết sợ ai và cả cái mỏ sắc, trông vô cùng phong độ. Mỗi sớm tinh mơ, việc của Gà Trống là cất tiếng gáy “Ò... ó... ó...”.”

- Trong đoạn văn trên, tác giả đã gọi Gà Trống bằng từ ngữ nào?

- Chỉ ra tác dụng của cách gọi đó.

TUẦN 26: NHỚ NGUỒN

TẬP ĐỌC

“Nghĩa thầy trò” (Theo Hà Ân)

“Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân” (Theo Minh Hương)

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ “Truyền thống”

Luyện tập thay thế từ ngữ để liên kết câu

Mở rộng vốn từ “Truyền thống”

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. “Chung sức chung lòng” nói về truyền thống nào?

a. đoàn kết b. hiếu học c. yêu nước

2. “Đi một ngày đàng học một sàng khôn” nói về truyền thống nào?

a. yêu nước b. lao động c. hiếu học

3. “Một nắng hai sương” nói về truyền thống nào?

a. anh dũng b. cần cù c. đoàn kết

4. “Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh” nói về truyền thống nào?

a. yêu nước b. nhân ái c. đoàn kết

Bài 2. Gạch dưới các từ ngữ thuộc chủ đề “truyền thống” trong các câu sau:

a. Nhân dân Việt Nam rất anh hùng trong chống giặc ngoại xâm.

b. Con người Việt Nam vốn rất cần cù, chịu thương, chịu khó.

c. Dòng họ tôi có truyền thống hiếu học.

d. Trường em đang phát động phong trào “Tương thân tương ái”.

Bài 3. Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

(truyền ngôi, truyền khẩu, truyền thống, truyền thụ, truyền tụng)

a. Thầy cô _____ kiến thức cho học sinh.

b. Nhân dân _____ công đức của các bậc anh hùng.

c. Vua _____ cho con.

d. Thế hệ sau kế tục và phát huy những _____ tốt đẹp của cha anh.

e. Bài về được phổ biến trong quần chúng bằng _____.

CẢM THỤ VĂN HỌC

Bài 1. Đọc đoạn văn sau:

“Đang vào mùa rừng dầu trút lá. Tàu lá dầu liệng xuống như cánh diều, phủ vàng mặt đất. Mỗi khi có con hoẵng chạy qua, thảm lá khô vang động như có ai đang bẻ chiếc bánh đa. Những cây dầu con mới lớn, phiến lá đã to gần bằng lá già rụng xuống. Lá như cái quạt nan che lấp cả thân cây...”

(Theo Chu Lai)

Chi tiết nào trong đoạn văn giúp em cảm nhận được không gian yên tĩnh của rừng dầu đầy lá rụng? Vì sao?

Bài 2. Qua bài thơ “Chú đi tuần” của tác giả Trần Ngọc, em cảm nhận được gì về tình cảm của người chiến sĩ đi tuần dành cho các bạn thiếu nhi?

TẬP LÀM VĂN

Lập chương trình hoạt động

Lớp em được giao nhiệm vụ chuẩn bị một chương trình tuyên truyền về an toàn giao thông vào tiết chào cờ đầu tuần. Hãy cùng các bạn thảo luận và lập chương trình cho hoạt động đó.

PHIẾU CUỐI TUẦN 23

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

"Gió hun hút lạnh lùng
Trong đêm khuya phổ vẳng
Súng trong tay im lặng,
Chú đi tuần đêm nay
Hải Phòng yên giấc ngủ say
Cây rung theo gió, lá bay xuống đường

Chú đi qua cổng trường
Các cháu miền Nam yêu mến.
Nhìn ánh điện qua khe phòng lưu luyến
Các cháu ơi! Giấc ngủ có ngon không?
Cửa đóng che kín gió, ấm áp dưới mền bông
Các cháu cứ yên tâm ngủ nhé!"

("Chú đi tuần" – Trần Ngọc)

1. Người chiến sĩ đi tuần trong hoàn cảnh như thế nào?

a. thời tiết ấm áp, đêm đã khuya, phổ vẳng, vạn vật chìm trong giấc ngủ

b. gió lạnh, trời chạng vạng tối, phổ vẳng, vạn vật chìm trong giấc ngủ

c. gió lạnh, đêm đã khuya, phổ vẳng, vạn vật chìm trong giấc ngủ

d. thời tiết ấm áp, trời chạng vạng tối, phổ vẳng, vạn vật chìm trong giấc ngủ

2. Tình cảm của người chiến sĩ được thể hiện qua cách xưng hô thân mật nào?

a. chú, các cháu

c. chú, cháu, các cháu

b. các cháu, cháu

d. bác, cháu, các cháu

3. Tình cảm của người chiến sĩ với các cháu thiếu nhi được thể hiện qua chi tiết nào?

a. nhìn ánh điện qua khe phòng lưu luyến

b. hỏi thăm giấc ngủ của các cháu có ngon không

c. dặn các cháu cứ yên tâm ngủ ngon

d. cả a, b, c đều đúng

4. Cặp từ trái nghĩa trong đoạn thơ trên là:

a. lạnh lùng >< ấm áp

c. yêu mến >< ghét bỏ

b. im lặng >< ồn ào

d. yên tâm >< lo lắng

5. Qua hình ảnh người chiến sĩ đi tuần trong đêm, tác giả muốn nhắn gửi tới chúng ta điều gì?
-
- 28

Rise above oneself
and grasp the world
4. Em có cảm nhận gì về hình ảnh cửa sông trong đoạn thơ trên?
-
- Bài 2.** Tìm các từ thích hợp điền vào chỗ trống để tạo sự liên kết giữa các câu trong đoạn trích dưới đây:
- "Mùa hè, mặt trời rắc những sợi nắng vàng rực rỡ xuống không gian. Tia (1) _____ nhỏ cùng các bạn vô cùng thích thú chạy nhảy khắp nơi. (2) _____ tràn vào vườn hoa. Muôn (3) _____ bùng nở. Nắng nhuộm cho những cánh (4) _____ thành muôn màu rực rỡ. Những bông hoa rung rinh như vẫy chào (5) _____."
- (Theo Nguyễn Hải Vân)
- Bài 3.** Gạch dưới các từ ngữ dùng để chỉ nhân vật người ăn xin trong đoạn trích sau. Cách dùng từ ngữ đó có tác dụng gì?
- "Lúc ấy, tôi đang đi trên phố. Một người ăn xin già lom khom đứng ngay trước mặt tôi.
- Đôi mắt ông lão đỏ đơ và giàn giụa nước mắt. Đôi môi ông tái nhợt và quần áo tả tơi, thảm hại... Chao ôi! Cảnh nghèo đói đã gặm nát con người đau khổ kia thành xấu xí biết nhường nào!
- Ông già chìa trước mặt tôi bàn tay sưng húp, bẩn thỉu. Ông rên rĩ cầu xin cứu giúp."
- (Theo Tước-ghê-nhép)
-
- Archimedes School
Aschool.edu.vn
- 45
- <https://tieulun.hopto.org>

PHIẾU CUỐI TUẦN 25

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

"Là cửa nhưng không then khóa	Nơi biển tìm về với đất
Cũng không khép lại bao giờ	Bằng con sóng nhớ bạc đầu
Mênh mông một vùng sóng nước	Chất muối hòa trong vị ngọt
Mở ra bao nỗi đợi chờ.	Thành vùng nước lợ nông sâu.

Nơi những dòng sông cần mẫn	Nơi cá đối vào đẻ trứng
Gửi lại phù sa bãi bồi	Nơi tôm rảo đến búng càng
Để nước ngọt ùa ra biển	Cần câu uốn cong lưỡi sóng
Sau cuộc hành trình xa xôi.	Thuyền ai lấp lóa đêm trăng."

("Cửa sông" – Quang Huy)

1. Tác giả giới thiệu cửa sông có gì đặc biệt?
- a. là cửa nhưng không có then khóa, cũng không khép lại bao giờ
 - b. là cửa có then, khoá nhưng không mở ra bao giờ
 - c. là cổng nhưng không có cánh cửa
 - d. là nơi tiếp giáp giữa mặt đất với bầu trời
2. Những chi tiết nào cho thấy cửa sông là nơi của sự gặp gỡ, hội tụ?
- a. là nơi nước ngọt ùa ra biển, biển tìm về với đất
 - b. là nơi chất mặn hòa với vị ngọt tạo thành vùng nước lợ
 - c. cá đối và tôm rảo đến sinh sống
 - d. cả a, b và c đều đúng
3. Đoạn thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?
- | | |
|-----------------------|--------------------------------|
| a. so sánh, nhân hóa | c. so sánh, điệp ngữ |
| b. nhân hóa, điệp ngữ | d. so sánh, điệp ngữ, nhân hóa |

Bài 2. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống trong các câu sau:

(an dưỡng, an tâm, an ninh, an ủi)

- a. Chúng tôi _____ khi gửi gắm con em tại đó.
- b. Ông bà em đang nghỉ ngơi _____ tuổi già.
- c. Cả lớp đang _____ bạn ấy vượt qua nỗi đau.
- d. Tình hình _____ nơi đây rất tốt.

Bài 3. Các câu ghép sau đây biểu thị quan hệ gì? Xác định chủ ngữ, vị ngữ của từng vế trong câu ghép:

- a. Nếu trời trở rét thì con phải mặc áo ấm. (Biểu thị quan hệ _____)
- b. Con chó có lẽ hiểu cụ Vi-ta-li nói nên nó lắc chĩ vẫy vẫy cái đuôi. (Biểu thị quan hệ _____)
- c. Mấy chục năm qua, chiếc áo vẫn còn nguyên như ngày nào mặc dù cuộc sống của chúng tôi đã có nhiều đổi thay. (Biểu thị quan hệ _____)
- d. Rê-mi không chỉ thông minh, hiểu học mà cậu còn có một tâm hồn thật đẹp. (Biểu thị quan hệ _____)

Bài 4. Viết đoạn văn khoảng 7 đến 9 câu kể về một kỉ niệm mà em nhớ nhất.

TUẦN 24: VÌ CUỘC SỐNG THANH BÌNH

TẬP ĐỌC

“Luật tục xưa của người Ê-đê”

(Theo Ngô Đức Thịnh – Chu Thái Sơn)

“Hộp thư mật” (Hữu Mai)

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ “Trật tự – An ninh”

Nối các vế câu ghép bằng cặp từ hô ứng

Mở rộng vốn từ “Trật tự – An ninh”

Bài 1. Tìm từ chứa tiếng “an” có nghĩa như sau:

- a. Chỉ sự bình yên, không có tai nạn, thiệt hại: _____
- b. Chỉ hành động làm dịu nỗi đau khổ của một ai đó: _____
- c. Chỉ sự bằng lòng với những gì mình có: _____

Bài 2. Gạch dưới từ đồng nghĩa với từ “an ninh” trong các câu sau:

- a. Cuộc sống ở đó tương đối yên ổn, không có vấn đề gì.
- b. Giá cả hiện nay rất mất ổn định, lên xuống thất thường.
- c. Chiến sự đã tạm bình yên không còn căng thẳng như trước.

Bài 3. Nối từ ở cột A với nghĩa tương ứng ở cột B:

A	B
bảo vệ	giữ bí mật của nhà nước, của tổ chức
bảo mật	được giữ kín không để lộ ra cho người ngoài biết
bí mật	chống lại mọi sự xâm phạm để giữ cho luôn được nguyên vẹn

Nối các vế câu ghép bằng cặp từ hô ứng

I. Kiến thức

Để thể hiện quan hệ về nghĩa giữa các vế câu, ngoài quan hệ từ, ta có thể nối các vế câu ghép bằng một số cặp từ hô ứng như:

- vừa ... đã ...; chưa ... đã ...; mới ... đã ...; vừa ... vừa ...; càng ... càng ...
- ... đâu ... đấy; ... nào ... ấy; ... sao ... vậy; ... bao nhiêu ... bấy nhiêu.

CẢM THỤ VĂN HỌC

Trình bày cảm nhận của em về hình ảnh “cửa sông” trong đoạn thơ sau:

“Dù giáp mặt cùng biển rộng

Cửa sông chẳng dứt cội nguồn

Lá xanh mỗi lần trôi xuống

Bồng... nhớ một vùng núi non...”

(Trích “Cửa sông” – Quang Huy)

TẬP LÀM VĂN

Tập viết đoạn đối thoại

Viết một đoạn hội thoại giữa em và bạn về chủ đề học tập.

màu nâu sẫm với _____ (5) da khô chỉ đỏ. Sơn cảm گیر những _____ (6) lên, thấy mát lạnh cả tay. Từ bộ _____ (7) thoáng ra hơi mốc của vải gấp lâu trong hòm, làm Sơn nhớ lại những buổi đầu mùa rét từ bao giờ, lâu lắm, ngày Sơn còn nhỏ.”

(Theo Thạch Lam)

Bài 5. Trong đoạn văn sau, mỗi từ ngữ được gạch dưới thay thế cho từ ngữ nào?

“Cả nhà em ai cũng yêu thích hoa hồng. Mỗi khi hoa nở, mọi người thấy vui hơn. Thật sung sướng khi ngắm sự rụt rè, e lệ rất đáng yêu của nó. Ban đầu, hoa chỉ hơi hé hé để mọi người cúi xuống ngắm nhìn rồi sau đó, từng cánh, từng cánh bung nở. Thế là thế nào cũng có một vài chú ong sà ngay xuống. Chúng lượn qua lượn lại, bay về vè trên nụ hoa vừa nở rồi bất thần đậu luôn vào trong đó. Cả lũ thi nhau thưởng thức phấn hoa và không quên dính vào chân đem về tổ...”

Bài 6. Các câu văn sau được liên kết với nhau bằng cách nào?

“Cô Sách Giáo Khoa vốn là một người hiểu biết. Cô kể cho chúng tôi nghe về một xứ sở kì lạ. Ở đấy, mọi người sống rất sung sướng. Điều làm chúng tôi mê nhất là có cung điện Ánh Sáng, nơi dành riêng cho trẻ em ngày ngày đến vui chơi.”

Bài 7. Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống:

(nó, đó, lũy tre làng)

- a. “Tính biệt lập của mỗi ngôi làng trước đây được thể hiện ở lũy tre làng. _____ bao trùm xung quanh làng. _____ là một thành lũy rất kiên cố, đốt không cháy, trèo không được, đào không qua.”
- b. “Tiếng tu hú mới khắc khoải làm sao! _____ kêu cho nắng về, cho rặng vải ven sông chín đỏ, cho cái chua bay đi, cái vị ngọt còn lại. _____ khát thêm gì nữa mà năm nào nó cũng gọi xa gọi gần như thế?”

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới cặp từ hô ứng dùng để nối các vế trong mỗi câu ghép sau:

- a. Tôi chưa mở lời, bà đã biết tôi định nói gì rồi.
b. Quyển sách này vừa hay mà nó cũng vừa đẹp nữa.
c. Em thích cuốn truyện nào thì chị sẽ mua tặng em cuốn truyện ấy.
d. Anh cần bao nhiêu thì anh lấy bấy nhiêu.
e. Người lớn đi đâu, trẻ em cũng tíu tít đi theo đến đấy.

Bài 2. Điền các cặp từ hô ứng thích hợp vào chỗ trống:

- a. Thầy giáo nói đến _____ chúng tôi hiểu đến _____.
b. Trời _____ mưa, nước sông _____ lên cao.
c. Người bán hàng nói giá _____ thì chúng tôi trả _____.
d. An _____ tốt nghiệp, cô ấy _____ được nhiều công ty mời về làm việc.

Bài 3. Phân tích cấu tạo của các câu ghép sau và ghi vào bảng (theo mẫu):

- a. Lan vừa mới sang Nhật được hai tuần, chị ấy đã gửi về nhiều ảnh chụp hoa anh đào đẹp tuyệt vời.
b. Gió thổi theo chiều nào, cây cối nghiêng rạp về chiều ấy.
c. Dế Mèn càng đi nhiều, nó càng nhận ra nhiều điều mới lạ.
d. Đất đai màu mỡ bao nhiêu, cây cối tươi tốt bấy nhiêu.

Câu	Vế 1	Vế 2	Cặp từ hô ứng
a	Lan vừa mới sang Nhật được hai tuần	chị ấy đã gửi về nhiều ảnh chụp hoa anh đào đẹp tuyệt vời	vừa ... đã ...
b	_____	_____	_____
c	_____	_____	_____
d	_____	_____	_____

Bài 4. Thêm vế câu thích hợp vào chỗ trống để tạo các câu ghép:

- a. Tôi chưa kịp nói gì _____
- b. Bà cụ vừa bước lên xe buýt _____
- c. Người nào không biết quý trọng tình bạn _____
- d. Cô giáo càng yêu trẻ bao nhiêu _____

Bài 5. Đặt hai câu ghép trong đó có sử dụng các cặp từ hô ứng đã học.

CẢM THỤ VĂN HỌC

Trong bài thơ “Bộ đội về làng”, nhà thơ Hoàng Trung Thông viết:

“Các anh về	Các anh về
Mái ấm nhà vui	Tưng bừng trước ngõ
Tiếng hát câu cười	Lớp lớp đàn em hơn hờ chạy theo sau
Rộn ràng xóm nhỏ	Mẹ già bịn rịn áo nâu
	Vui đàn con ở rừng sâu mới về.”

Tìm trong đoạn thơ những hình ảnh thể hiện niềm vui của xóm nhỏ khi các anh bộ đội về. Vì sao các anh lại được mọi người chào đón như thế?

III. Bài tập

Bài 1. Đoạn văn dưới đây sử dụng phép liên kết nào (đã học)?

“Một lần, sứ thần Trung Hoa thử tài Lương Thế Vinh, nhờ ông cân hộ con voi. Lương Thế Vinh sai lính dắt voi xuống thuyền, đánh dấu mức chìm của thuyền. Sau đó, ông cho voi lên bờ và xếp đá vào thuyền. Khi thuyền chìm đến mức đã đánh dấu, ông sai cân chỗ đá ấy và biết voi nặng bao nhiêu.”

Phép liên kết: _____

Bài 2. Gạch dưới và thay thế những từ ngữ bị lặp trong các đoạn văn sau bằng từ ngữ thích hợp:

“(1) A Cháng đến chuồng trâu dắt con trâu béo nhất, khỏe nhất. (2) A Cháng và trâu cùng ra ruộng. (3) A Cháng đeo cày. (4) Cái cày của người H’mông to nặng, bắp cày bằng gỗ tốt màu đen, vòng như hình cái cung, ôm lấy bộ ngực nở. (5) Trông A Cháng hùng dũng như một chàng hiệp sĩ cổ đeo cung ra trận.”

Bài 3. Đọc đoạn văn sau:

“Tre xung phong vào xe tăng đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!”

(Theo Thép Mới)

- a. Khoanh vào từ được dùng để liên kết các câu trong đoạn văn trên.
- b. Nếu thay thế từ được lặp lại ở trên bằng một trong các từ “nửa”, “vầu”, “trúc” thì các câu trong đoạn văn có liên kết chặt chẽ với nhau không? Vì sao?

Bài 4. Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống của đoạn trích dưới đây để tạo liên kết giữa các câu: (“quần áo”, “cái áo”)

“Chị Lan từ trong buồng đi ra, khệ nệ ôm cái thúng _____ (1) đặt lên đầu phản. Mẹ Sơn lục lấy cái vĩ bướm, lục đồng _____ (2) rét. Sơn nhận ra cũng những _____ (3) Sơn đã mặc năm ngoái, năm kia: một _____ (4) vệ sinh

TUẦN 25: NHỚ NGUỒN

TẬP ĐỌC

"Phong cảnh đền Hùng" (Theo Đoàn Minh Tuấn)

"Cửa sông" (Quang Huy)

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Liên kết các câu trong bài bằng cách lặp từ ngữ, thay thế từ ngữ

I. Liên kết trong đoạn văn

Liên kết trong đoạn văn là sự nối kết ý nghĩa giữa các câu với nhau bằng những từ ngữ có tác dụng liên kết nhằm tạo sự diễn đạt trôi chảy, mạch lạc.

Đoạn văn được liên kết trên hai phương diện:

- Liên kết nội dung: Các câu trong đoạn văn cùng thể hiện một nội dung thống nhất.
- Liên kết hình thức: Các câu trong đoạn văn được nối kết chặt chẽ bằng các phép liên kết (thể hiện qua các từ ngữ liên kết) để làm sáng tỏ nội dung của cả đoạn.

II. Các phép liên kết

1. Liên kết các câu bằng cách lặp từ ngữ (phép lặp)

- Là liên kết bằng cách lặp lại ở câu đứng sau những từ ngữ đã xuất hiện ở câu đứng trước nhằm làm nổi bật đặc điểm, tính chất, đối tượng được nhắc đến.
- Có hai hình thức lặp: lặp từ ngữ và lặp cấu trúc.

Chú ý: Phân biệt phép lặp với lỗi lặp.

2. Liên kết các câu bằng cách thay thế từ ngữ (phép thế)

- Là liên kết bằng cách dùng đại từ hoặc những từ ngữ đồng nghĩa thay thế cho những từ ngữ đã dùng ở câu đứng trước để tạo mối liên hệ giữa các câu và tránh lặp từ nhiều lần.
- Có hai hình thức thế:
 - + Thế bằng đại từ.
 - + Thế bằng các từ ngữ đồng nghĩa: Các từ cùng chỉ một đối tượng trong hoàn cảnh nhất định.

TẬP LÀM VĂN

Ôn tập về tả đồ vật

I. Kiến thức

1. Cấu tạo bài văn miêu tả đồ vật

a. Mở bài: Giới thiệu đồ vật được tả

- Đồ vật mà em sẽ tả là gì?
- Em đã nhìn thấy hoặc có đồ vật đó khi nào, với ấn tượng gì đặc biệt?

b. Thân bài: Miêu tả đồ vật

- Tả bao quát: quan sát và miêu tả đồ vật theo trình tự từ xa tới gần (kích thước, màu sắc, đặc điểm nổi bật...).
- Tả chi tiết từng bộ phận: hình dạng, màu sắc, kích thước... của các bộ phận.
- Nêu vai trò, tác dụng của đồ vật và việc làm cho thấy em giữ gìn đồ vật đó.

c. Kết bài: Nêu cảm nghĩ về đồ vật được tả

- Cảm nhận: yêu mến, thích thú, gắn bó...

2. Quan sát đồ vật

- Cần quan sát theo một trình tự hợp lí.
- Quan sát bằng nhiều giác quan: mắt nhìn, tai nghe, tay sờ...
- Chú ý phát hiện những đặc điểm riêng phân biệt đồ vật đó với đồ vật khác.

3. Xây dựng đoạn văn miêu tả đồ vật

Mỗi đoạn văn miêu tả đồ vật có một nội dung nhất định: giới thiệu về đồ vật, tả bao quát đồ vật, tả từng bộ phận của đồ vật hoặc nêu lên tình cảm, thái độ của người viết đối với đồ vật...

II. Bài tập

Bài 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi:

"Mỗi đồ vật đều có một công dụng và hữu ích riêng. Cậu bút chì giúp em chữa bài tập sai. Anh bút mực giúp em viết những dòng chữ nắn nót. Giúp em đựng sách vở đến trường là chị cặp sách.

Chiếc cặp của em được làm bằng vải cứng pha ni-lông. Dáng cặp như một hình chữ nhật, rộng gần bằng hai quyển sách giáo khoa ghép lại. Chiếc cặp trông thật bắt mắt khi khoác lên mình bộ áo màu hồng pha lẫn với màu trắng. Nổi bật nhất trên nắp cặp là một cô búp bê, tay cầm bông hoa tươi thắm, bên cạnh là chú mèo trông rất đáng yêu. Quai cặp làm bằng vải sợi ni-lông, bên trong có một cái đệm mút rất êm để em đeo cặp dễ dàng hơn. Giúp em mở được cặp là chiếc khóa cặp. Khóa cặp làm bằng sắt có mạ một lớp nhôm bên ngoài rất chắc chắn. Mỗi khi muốn mở cặp chỉ cần ấn nhẹ vào hai bên. Mở chiếc cặp ra em thấy cặp có tới năm ngăn. Có hai ngăn to và hai ngăn nhỏ. Ngăn to đầu tiên em để sách giáo khoa. Ngăn to thứ hai em đựng vở và hộp bút. Ngăn nhỏ bên trong có khóa kéo trông thật bí mật là nơi em đựng một ít giấy kiểm tra và giấy vẽ. Hai ngăn nhỏ bên ngoài trông như hai chiếc tai xinh xinh thì một ngăn em để ô, còn một ngăn em đựng chai nước uống.

Trước đây, bây giờ, và sau này, chiếc cặp sẽ mãi lưu giữ cho em những ấn tượng, những kỉ niệm vui buồn ở thời tiểu học. Chiếc cặp sẽ mãi là người bạn đồng hành thân thiết giúp em đi những bước đi đầu tiên.”

(Sưu tầm)

a. Xác định mở bài, thân bài, kết bài của bài văn trên. Nêu nội dung của mỗi phần.

b. Bài văn miêu tả chiếc cặp theo trình tự nào?

Bài 2. Viết hai đoạn mở bài theo hai cách cho bài văn tả một đồ vật mà em yêu thích.

Mở bài trực tiếp: _____

Mở bài gián tiếp: _____

Bài 7. Đọc đoạn trích sau của tác giả Ma Văn Kháng và thực hiện các yêu cầu:

“(1) Ngày qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa rây bụi mùa đông, những chùm hoa khép miệng bắt đầu kết trái. (2) Thảo quả chín dần. (3) Dưới đáy rừng, tựa như đột ngột, bỗng rực lên những chùm thảo quả đỏ chon chót, như chứa lửa, chứa nắng. (4) Rừng ngập hương thơm. (5) Rừng sáng như có lửa hắt lên từ dưới đáy rừng.

(6) Rừng say ngây và ấm nóng. (7) Thảo quả như những đốm lửa hồng, ngày qua ngày lại thấp thêm nhiều ngọn mới, nhấp nháy vui mắt.”

a. Chuyển hai câu (4) và (5) thành một câu ghép:

b. Ghi lại các từ láy có trong đoạn trích: _____

c. Xác định thành phần trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ trong câu (3).

d. Tại sao nhà văn lại so sánh “Thảo quả như những đốm lửa hồng, ngày qua ngày lại thấp thêm nhiều ngọn mới, nhấp nháy vui mắt.”?

Bài 8. Viết đoạn văn khoảng 7 câu tả một bác bảo vệ của trường em.

b. Chẳng những động vật cần rừng để trú ngụ _____

c. Vào dịp Tết, người Việt Nam không chỉ dành thời gian sum vầy bên gia đình _____

Bài 4. Dùng dấu gạch chéo (/) để ngăn cách các vế câu và khoanh vào cặp từ hô ứng nối các vế câu trong mỗi câu ghép dưới đây:

- Sách viết sao, chúng tôi đọc vậy.
- Trời càng nắng gắt, hoa giấy càng bồng lên rực rỡ.
- Đồ dùng còn bao nhiêu thì chúng ta ủng hộ bấy nhiêu.
- Các con thích đi đâu, bố mẹ sẽ đưa đi đấy.

Bài 5. Điền cặp từ hô ứng thích hợp vào chỗ trống:

- Nó _____ về đến nhà, bạn nó _____ gọi đi ngay.
- Gió _____ to, con thuyền _____ lướt nhanh trên biển.
- Tôi đi _____, nó cũng đi _____.
- Tôi nói _____, nó cũng nói _____.

Bài 6. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

“(1) Cảnh mùa thu quê em rất đẹp, rất thơ mộng. (2) Bầu trời trong veo, thăm thăm, xanh biếc bao la. (3) Gió thu mát rượi, nhẹ nhàng thổi, mang theo hương lúa nếp, hương cốm mới từ các cánh đồng quê. (4) Sau tuần mưa ngâu, trời thu như dịu lại, nắng trở nên vàng hoe, trăng thu sáng trong vàng vạc. (5) Trái hồng thêm ứng đỏ, quả bòng vàng óng căng tròn, cốm Vòng bọc lá sen xanh. (6) Dòng sông trong xanh lững lờ trôi, thuyền buồm ngược xuôi tấp nập. (7) Con thuyền và cánh buồm như những cánh chim bay giữa trời thu.”

(Sưu tầm)

a. Câu đơn là những câu: _____

b. Câu ghép là những câu: _____

Các vế của các câu ghép được nối với nhau bằng cách nào?

PHIẾU CUỐI TUẦN 24

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Một chuyến đi xa

“Một người cha dẫn con trai đi trải nghiệm ở một làng quê để cậu bé hiểu được cuộc sống bình dị của những người ở đó. Hai cha con họ sống chung với một gia đình nông dân. Trên đường về, người cha hỏi: “Con thấy chuyến đi thế nào?”

– Tuyệt lắm cha ạ! – Cậu bé đáp.

– Vậy con đã học được điều gì từ chuyến đi này? – Người cha hỏi tiếp.

– Ở nhà, chúng ta chỉ có một con chó, còn mọi người ở đây thì có tới bốn con. Chúng ta chỉ có một hồ bơi trong vườn, còn họ có cả một dòng sông. Chúng ta thắp sáng bằng những bóng đèn điện, còn họ đêm đến lại có rất nhiều ngôi sao toả sáng. Nhà mình có những cửa sổ nhưng họ có cả một bầu trời bao la. Cảm ơn cha đã cho con thấy cuộc sống bên ngoài rộng mở và đẹp làm sao!”

(Theo Quang Kiệt)

1. Người cha trong câu chuyện đã đưa con trai đi đến đâu?

- một bản vùng cao
- một làng quê
- một thành phố lớn
- một thị trấn nhỏ

2. Họ đã sống ở đâu trong chuyến đi đó?

- một khách sạn sang trọng
- một căn lều dựng tạm
- nhà một người nông dân
- nhà một người họ hàng

3. Người con trai thấy cuộc sống của người nông dân như thế nào?

- nghèo khổ, thiếu thốn và lạc hậu
- quanh quẩn, buồn tẻ, nhàm chán
- phong phú, giản dị, gần gũi với thiên nhiên
- sang trọng, đầy đủ tiện nghi hiện đại

4. Em rút ra bài học gì từ câu chuyện trên?

Bài 2. Tìm các cặp từ hô ứng thích hợp điền vào chỗ trống:

- a. Tôi _____ nói hết câu, cô ấy _____ tắt điện thoại rồi.
 b. Đám mây bay đến _____ cả một vùng nước rợp mát đến _____.
 c. Trời _____ rét, thông _____ xanh.
 d. Cô giáo _____ đi được hai ngày, bọn trẻ _____ rất nhớ cô.

Bài 3. Đặt câu theo yêu cầu sau:

- a. Câu ghép có cặp từ hô ứng “bao nhiêu ... bấy nhiêu”:

- b. Câu ghép có cặp từ hô ứng “vừa ... đã ...”:

Bài 4. Viết đoạn văn khoảng 7 đến 9 câu tả một đồ vật mà em thích nhất.

LUYỆN TẬP CHUNG (SỐ 4)

A. Kiến thức

I. Luyện từ và câu

1. Câu ghép
2. Cách nối các vế câu ghép
 - a. Nối trực tiếp bằng dấu câu
 - b. Nối gián tiếp bằng từ ngữ có tác dụng nối: quan hệ từ, cặp quan hệ từ, cặp từ hô ứng

II. Tập làm văn

1. Văn miêu tả: Tả người, tả đồ vật.
2. Văn kể chuyện: Kể chuyện đã nghe đã đọc; chuyện được chứng kiến hoặc tham gia.

B. Luyện tập

Bài 1. Gạch dưới từ nối các vế của từng câu ghép dưới đây:

- a. Trăng lên và sương tan dần, vạn vật hiện ra rõ nét hơn.
- b. Công việc càng bận rộn thì chị ấy càng phát huy được sự nhanh nhạy của mình.
- c. Cả nhà vừa mới đến rạp chiếu phim, em bé đã khóc đòi về.

Bài 2. Xác định cặp quan hệ từ và mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong mỗi câu sau:

- a. Vì bố mẹ đi công tác nên anh em tôi sang ở nhà ông bà.

- b. Nếu thời tiết thuận lợi thì đoàn thuyền sẽ ra khơi đánh cá.

- c. Mặc dù mùa hè đã về nhưng hoa phượng vẫn còn chìm trong kẽ lá.

- d. Đáng không chỉ lọt vào đội tuyển dự thi quốc tế mà cậu ấy còn giành được Huy chương Vàng, vượt cả kì vọng của mọi người.

Bài 3. Thêm từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo câu ghép chỉ quan hệ tăng tiến:

- a. Người Nhật không những kỉ luật, nghiêm khắc trong công việc _____
